

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN



KỶ VỌNG VÀO NÂNG HẠNG
Ngày: 06/04/2026 – 10/04/2026

NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN



TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

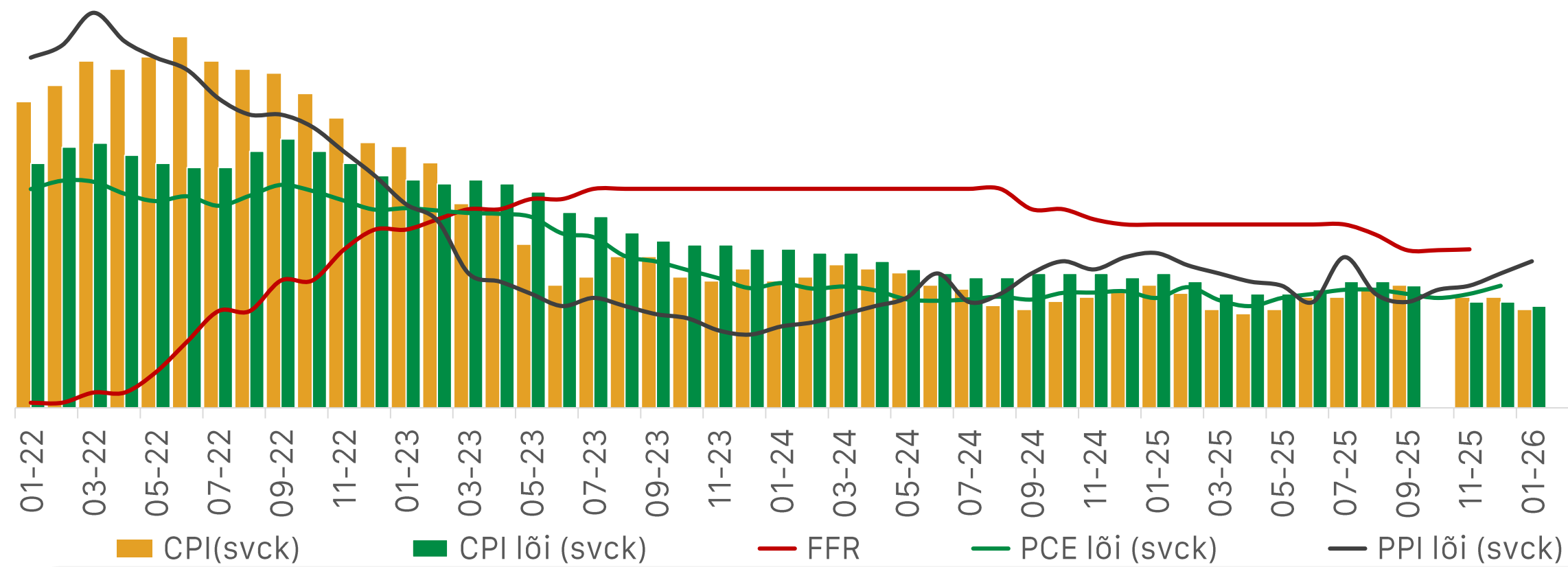


Kinh tế Mỹ — tăng trưởng ổn định, lạm phát hạ nhiệt nhưng rủi ro địa chính trị gia tăng

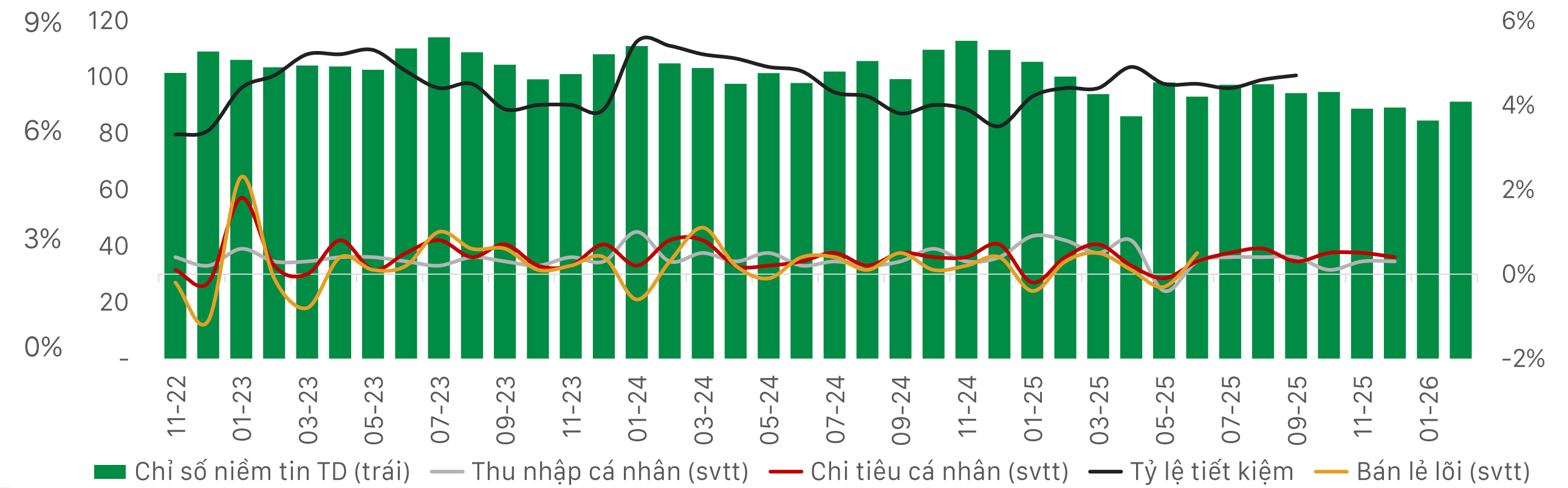


Bức tranh kinh tế Mỹ cho thấy trạng thái “tăng trưởng bền nhưng nhạy cảm với cú sốc bên ngoài”. Các yếu tố nội tại — đặc biệt đầu tư công nghệ, AI và năng suất lao động — đang giúp nền kinh tế duy trì mức tăng trưởng khá cao so với các nền kinh tế phát triển khác. Đồng thời, xu hướng giảm lạm phát tạo dư địa để Federal Reserve chuyển dần sang chu kỳ nới lỏng tiền tệ trong năm 2026, qua đó hỗ trợ hoạt động đầu tư và thị trường tài chính. Tuy nhiên, triển vọng trung hạn vẫn phụ thuộc vào hai biến số lớn: (1) khả năng duy trì sức chi tiêu của hộ gia đình trong bối cảnh chi phí năng lượng và lãi suất còn cao; và (2) các rủi ro địa chính trị có thể đẩy giá năng lượng và lạm phát quay trở lại. Nếu những rủi ro này được kiểm soát, kinh tế Mỹ nhiều khả năng duy trì tăng trưởng quanh 2–2,5 % trong 2026, tránh được suy thoái và tiếp tục đóng vai trò đầu tàu tăng trưởng của kinh tế toàn cầu.

Tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì trên xu hướng nhờ đầu tư và công nghệ

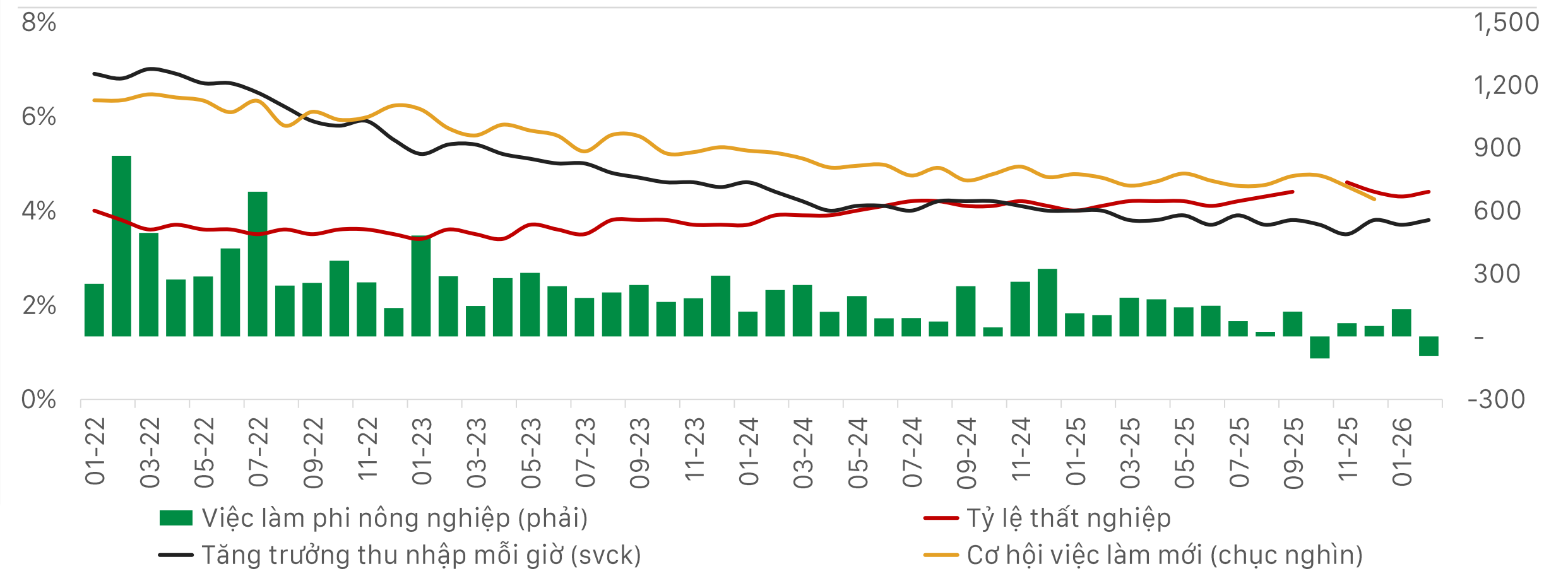


Lạm phát tiếp tục giảm dần, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ



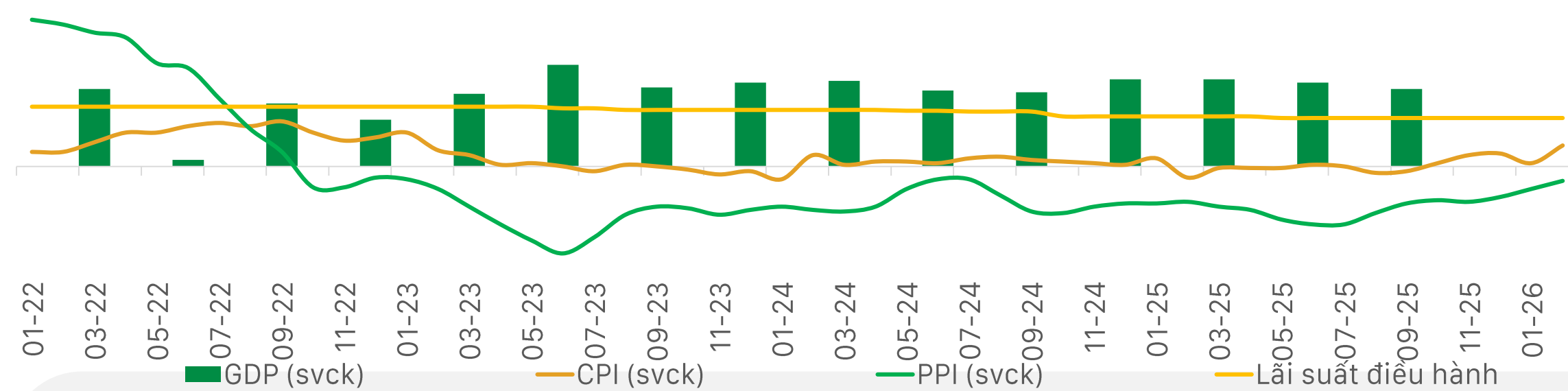
1. Tăng trưởng kinh tế vẫn duy trì trên xu hướng nhờ đầu tư và công nghệ. Các dự báo gần đây cho thấy kinh tế Mỹ tiếp tục duy trì tăng trưởng khoảng 2,4–2,6 % trong năm 2026, cao hơn nhiều nền kinh tế phát triển khác. Động lực chính đến từ đầu tư doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực AI, công nghệ và thiết bị, cùng với điều kiện tài chính tương đối thuận lợi. Biên bản của Federal Reserve cũng cho thấy các nhà hoạch định chính sách đánh giá tăng trưởng năm 2026 vẫn “solid”, nhờ đầu tư công nghệ và cải thiện năng suất lao động. **2. Lạm phát tiếp tục giảm dần, mở đường cho chu kỳ nới lỏng tiền tệ.** Nhiều tổ chức dự báo lạm phát lõi của Mỹ sẽ giảm dần về khoảng 2,6 % vào cuối năm 2026, nhờ chi phí nhà ở và chuỗi cung ứng ổn định hơn. Trong bối cảnh đó, thị trường và các tổ chức nghiên cứu kỳ vọng Fed có thể cắt giảm lãi suất khoảng 50 điểm cơ bản trong năm 2026, đưa lãi suất điều hành về vùng 3–3,25 %, nếu xu hướng giảm lạm phát tiếp tục. **3. Rủi ro mới từ địa chính trị và giá năng lượng.** Các diễn biến địa chính trị gần đây, đặc biệt xung đột ở Trung Đông, đang làm giá xăng tại Mỹ tăng mạnh (trên 3,5 USD/gallon) và tạo áp lực lên chi tiêu hộ gia đình. Nếu giá dầu vượt 90 USD/thùng trong thời gian dài, chi tiêu tiêu dùng và thị trường tài chính có thể bị ảnh hưởng, kéo giảm đà tăng trưởng kinh tế. Điều này làm cho triển vọng kinh tế Mỹ phụ thuộc nhiều hơn vào sức bền của tiêu dùng nội địa, vốn vẫn là động lực chính của GDP.

Rủi ro mới từ địa chính trị và giá năng lượng.



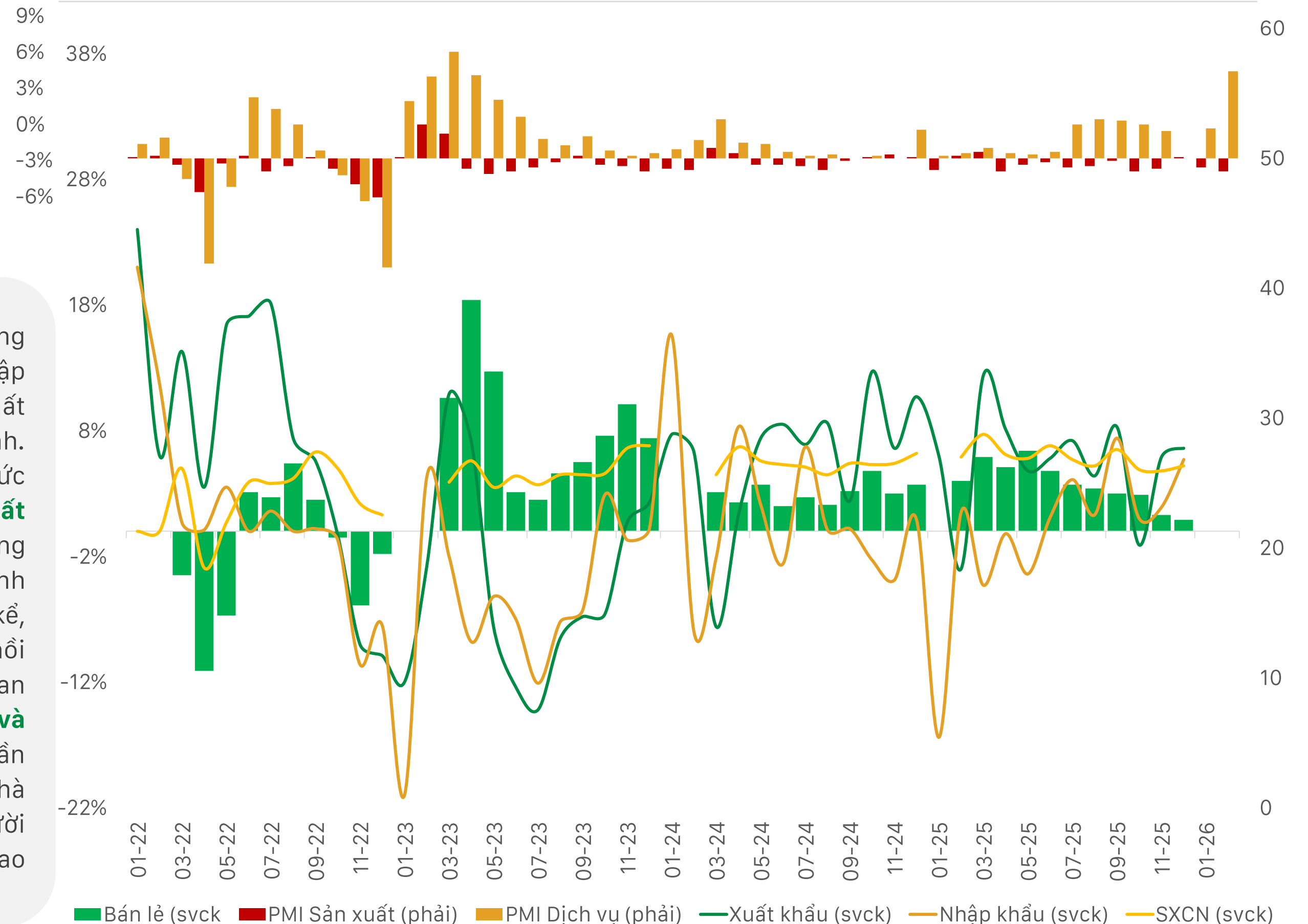
Kinh tế Trung Quốc thể hiện trạng thái “tăng trưởng chậm nhưng tái cấu trúc sâu”. Bắc Kinh chấp nhận mức tăng trưởng thấp hơn lịch sử (khoảng 4,5–5 %) để đổi lấy sự ổn định tài chính, kiểm soát rủi ro bất động sản và thúc đẩy các ngành công nghệ chiến lược như AI, bán dẫn và năng lượng sạch. Trong ngắn hạn, xuất khẩu và sản xuất công nghiệp vẫn sẽ là trụ cột chính của GDP, đặc biệt nhờ nhu cầu toàn cầu đối với sản phẩm công nghệ và chuỗi cung ứng mới. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất nằm ở nội lực kinh tế: tiêu dùng hộ gia đình yếu, thị trường bất động sản chưa phục hồi và xu hướng nhân khẩu học bất lợi. Nếu Trung Quốc không kích thích được tiêu dùng nội địa và cải thiện niềm tin của hộ gia đình, nền kinh tế có thể duy trì trạng thái tăng trưởng trung bình khoảng 4–4,5 % trong nhiều năm tới — thấp hơn giai đoạn trước nhưng ổn định hơn. Tóm lại: Trung Quốc đang bước vào kỷ nguyên tăng trưởng chậm nhưng định hướng công nghệ và công nghiệp cao, trong đó thành công của chiến lược chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa trên tiêu dùng và đổi mới sáng tạo sẽ quyết định triển vọng kinh tế của nước này trong thập kỷ tới.

Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm có chủ đích



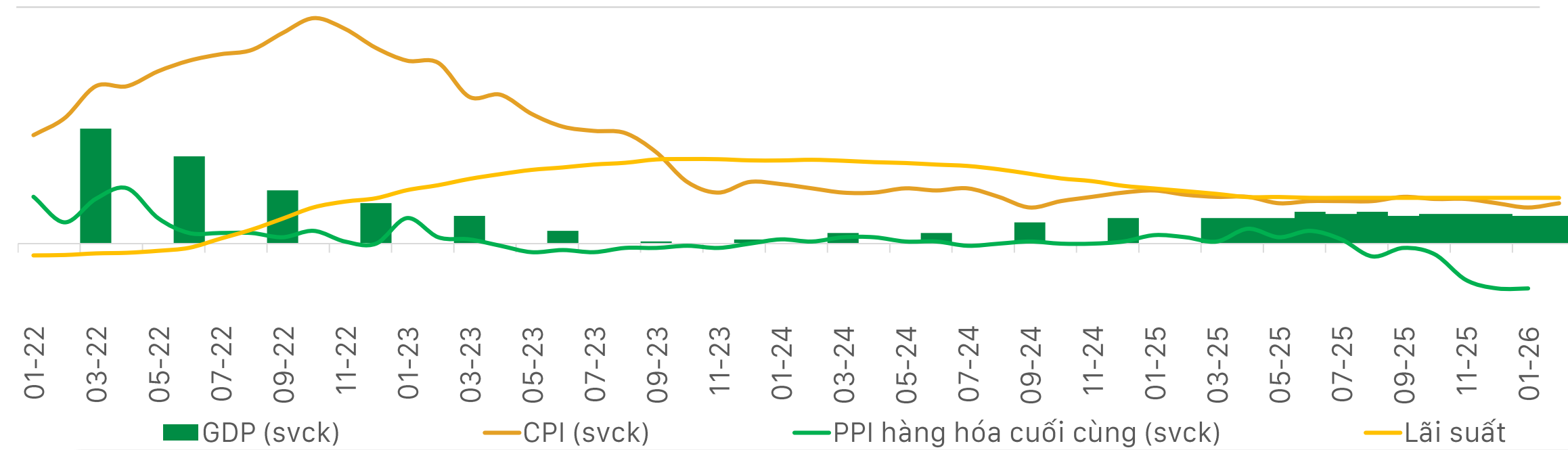
1. Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm có chủ đích. Tại kỳ họp Quốc hội đầu tháng 03/2026, Bắc Kinh đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 2026 khoảng 4,5–5 %, mức thấp nhất kể từ đầu thập niên 1990. Điều này phản ánh sự chuyển dịch chiến lược từ “tăng trưởng nhanh” sang phát triển chất lượng cao, trong bối cảnh bất động sản suy yếu, tiêu dùng yếu và môi trường toàn cầu bất định. Nhiều tổ chức quốc tế như IMF cũng dự báo tăng trưởng khoảng 4,5 % trong năm 2026, thấp hơn mức 5 % năm 2025 nhưng vẫn cho thấy nền kinh tế duy trì đà mở rộng ổn định. **2. Xuất khẩu và sản xuất tiếp tục là động lực chính.** Những tháng đầu năm 2026 ghi nhận bùng nổ xuất khẩu với mức tăng khoảng 21,8 % trong giai đoạn tháng 1–2, nhờ nhu cầu mạnh đối với điện tử, bán dẫn và các ngành công nghệ mới như xe điện, pin và năng lượng mặt trời. Các chỉ số sản xuất cũng cải thiện đáng kể, với PMI sản xuất tháng 2 tăng mạnh nhất kể từ năm 2020, cho thấy hoạt động công nghiệp phục hồi nhờ đơn hàng mới và nhu cầu toàn cầu. Điều này khiến xuất khẩu tiếp tục đóng vai trò trụ cột quan trọng của tăng trưởng, đặc biệt khi nhu cầu trong nước chưa phục hồi hoàn toàn. **3. Tiêu dùng yếu và bất động sản vẫn là điểm nghẽn cấu trúc.** Bất chấp xuất khẩu mạnh, cầu nội địa vẫn khá yếu, phần lớn do khủng hoảng bất động sản kéo dài làm giảm tài sản hộ gia đình và niềm tin tiêu dùng. Giá nhà tại nhiều khu vực đã giảm mạnh so với đỉnh năm 2021, ảnh hưởng đến chi tiêu và đầu tư của người dân. Ngoài ra, các yếu tố dài hạn như tỷ lệ sinh thấp, dân số già hóa và thất nghiệp thanh niên cao cũng làm suy giảm động lực tiêu dùng và thay đổi hành vi chi tiêu của thế hệ trẻ.

Xuất khẩu và sản xuất tiếp tục là động lực chính



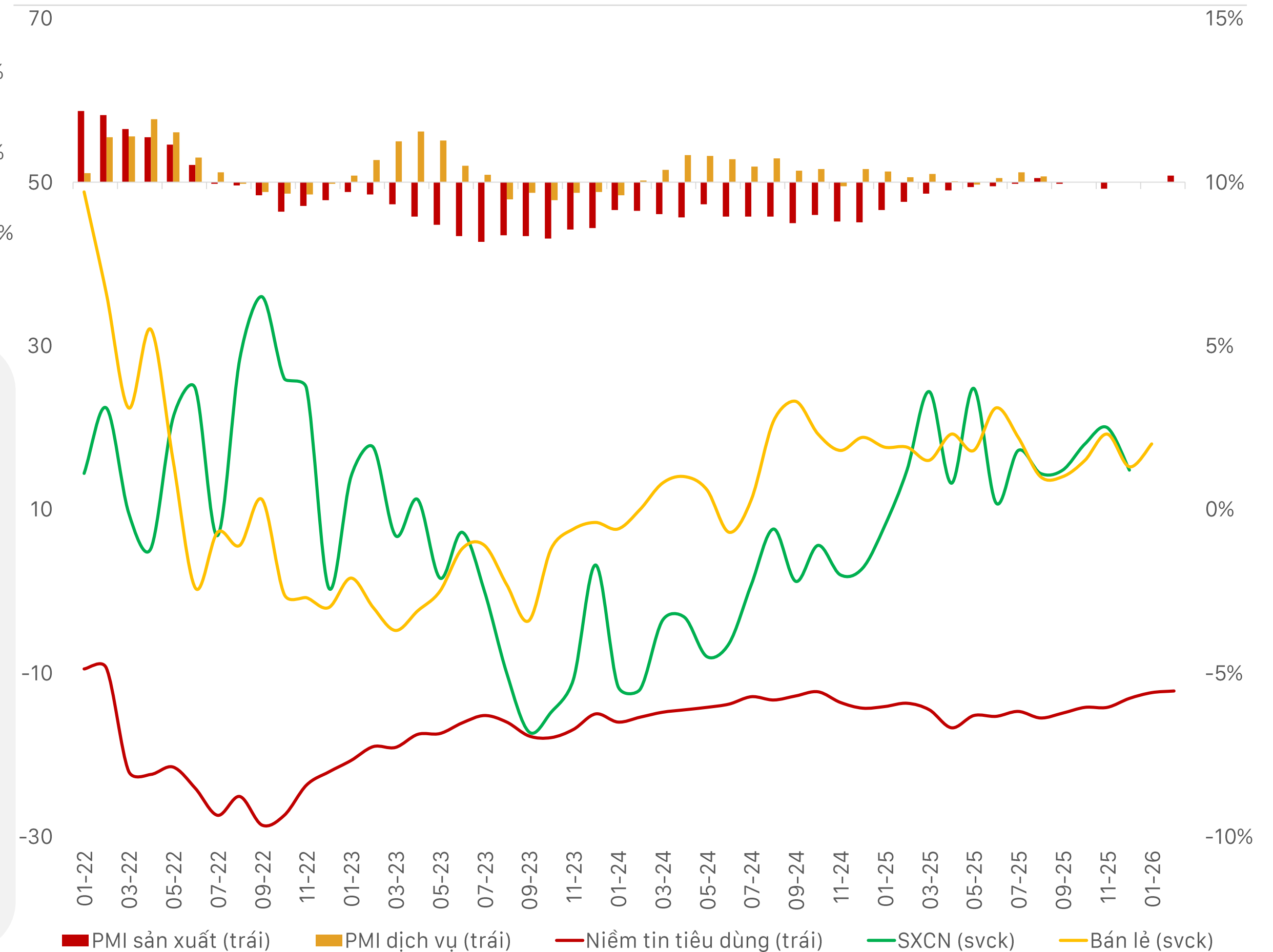
Kinh tế châu Âu thể hiện trạng thái “ổn định nhưng thiếu động lực bứt phá”. Việc lạm phát giảm về gần mục tiêu đã giúp môi trường tài chính bớt căng thẳng và mở ra khả năng nới lỏng chính sách tiền tệ, nhưng điều này không đủ để nhanh chóng khôi phục tốc độ tăng trưởng cao. Những thách thức cấu trúc — bao gồm năng suất thấp, dân số già hóa và sự phụ thuộc lớn vào thương mại toàn cầu — tiếp tục hạn chế tiềm năng tăng trưởng của khu vực. Trong trung hạn, triển vọng của châu Âu phụ thuộc vào khả năng tăng đầu tư công nghệ, chuyển đổi năng lượng và củng cố thị trường nội khối để tạo ra nguồn tăng trưởng mới. Nếu các chính sách kích thích đầu tư và cải thiện năng suất được triển khai hiệu quả, khu vực có thể duy trì tăng trưởng ổn định quanh 1–1,5 % trong giai đoạn 2026–2027. Tuy nhiên, nếu cầu nội địa và đầu tư tư nhân không cải thiện đáng kể, châu Âu có nguy cơ tiếp tục rơi vào trạng thái tăng trưởng thấp kéo dài so với các trung tâm kinh tế lớn khác trên thế giới.

Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp nhưng ổn định



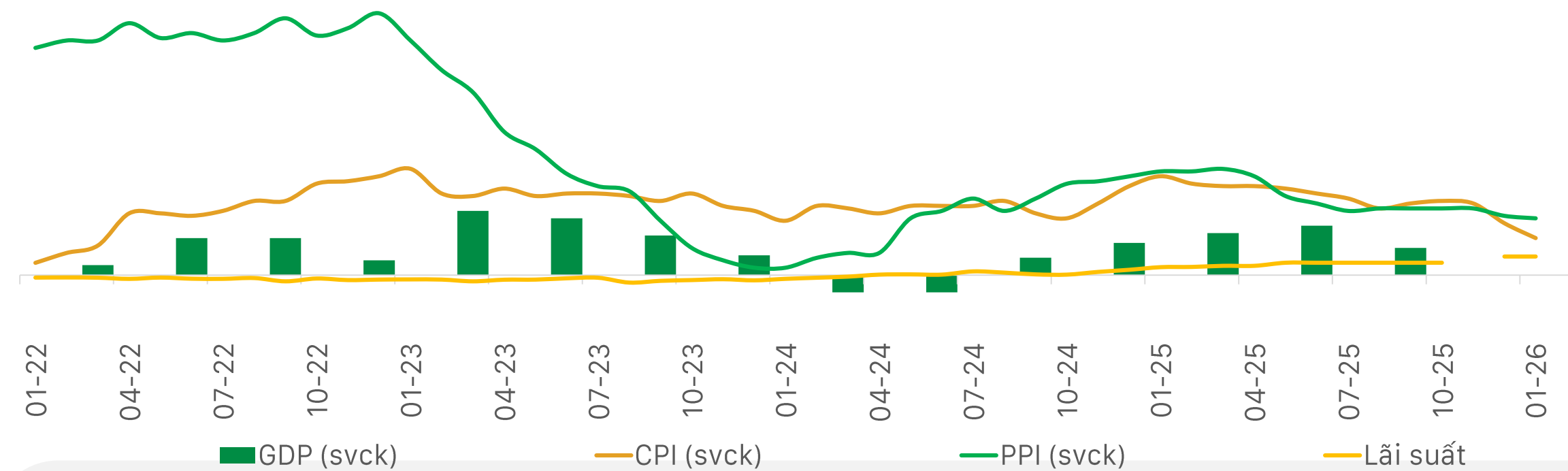
1. Tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức thấp nhưng ổn định. Các báo cáo kinh tế đầu năm 2026 cho thấy khu vực đồng euro duy trì tăng trưởng GDP khoảng 1,2–1,5 % trong năm 2026, phản ánh trạng thái phục hồi chậm sau giai đoạn thắt chặt tiền tệ kéo dài. Hoạt động sản xuất có dấu hiệu cải thiện nhẹ nhờ đơn hàng xuất khẩu tăng, trong khi dịch vụ vẫn là khu vực đóng góp lớn nhất cho tăng trưởng. Tuy nhiên, tốc độ mở rộng vẫn thấp so với Mỹ và nhiều nền kinh tế châu Á, cho thấy nền kinh tế châu Âu đang trong giai đoạn tăng trưởng thận trọng. **2. Lạm phát giảm rõ rệt, mở ra chu kỳ nới lỏng tiền tệ.** Lạm phát khu vực euro đã giảm đáng kể so với giai đoạn 2022–2023 và hiện dao động quanh 2 % hoặc thấp hơn, gần với mục tiêu của European Central Bank. Điều này tạo điều kiện để ngân hàng trung ương chuyển dần sang chính sách hỗ trợ tăng trưởng, với kỳ vọng thị trường rằng lãi suất có thể tiếp tục được điều chỉnh giảm trong năm 2026. Lạm phát giảm chủ yếu nhờ giá năng lượng ổn định hơn và chuỗi cung ứng toàn cầu bình thường hóa. **3. Nội lực kinh tế còn yếu và phân hóa giữa các quốc gia.** Dù môi trường lạm phát thuận lợi hơn, cầu nội địa của châu Âu vẫn khá yếu do niềm tin tiêu dùng thấp và tăng trưởng thu nhập chậm. Các nền kinh tế lớn như Germany và France đang phục hồi chậm, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng. Đồng thời, sự phân hóa trong nội khối tiếp tục rõ rệt khi một số nền kinh tế Nam Âu hưởng lợi từ du lịch và dịch vụ, trong khi khu vực công nghiệp ở Trung Âu vẫn đối mặt với nhu cầu toàn cầu yếu.

Nội lực kinh tế còn yếu và phân hóa giữa các quốc gia.



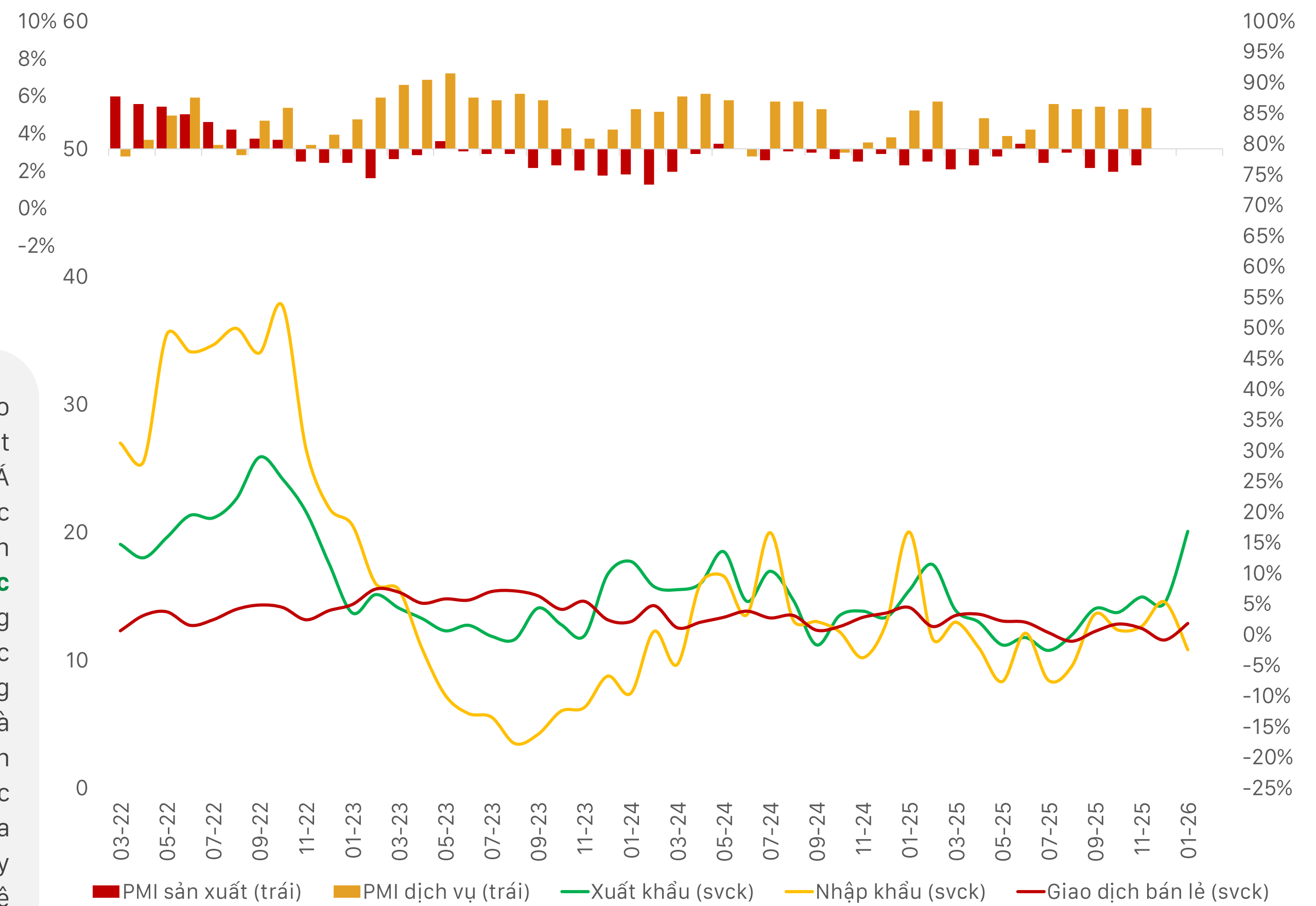
Nền kinh tế Nhật Bản cho thấy trạng thái phục hồi ổn định nhưng phụ thuộc vào các động lực bên ngoài. Sản xuất và xuất khẩu vẫn là trụ cột quan trọng của tăng trưởng, trong khi tiêu dùng nội địa và nhân khẩu học tiếp tục hạn chế tốc độ mở rộng của nền kinh tế. Quá trình bình thường hóa chính sách của Bank of Japan đánh dấu bước chuyển lớn sau nhiều năm duy trì lãi suất cực thấp, nhưng việc điều chỉnh sẽ diễn ra rất thận trọng để tránh gây sốc cho thị trường tài chính và doanh nghiệp. Trong trung hạn, triển vọng tăng trưởng của Nhật Bản phụ thuộc vào khả năng tăng năng suất thông qua công nghệ, tự động hóa và đầu tư vào các ngành chiến lược như bán dẫn, AI và năng lượng sạch. Nếu những chiến lược này được triển khai hiệu quả, nền kinh tế có thể duy trì tăng trưởng ổn định khoảng 1–1,5 % mỗi năm, đồng thời cải thiện sức cạnh tranh toàn cầu. Tuy nhiên, nếu tiêu dùng nội địa không được cải thiện và áp lực nhân khẩu học tiếp tục gia tăng, Nhật Bản có thể vẫn duy trì mô hình tăng trưởng thấp nhưng ổn định trong phần còn lại của thập kỷ.

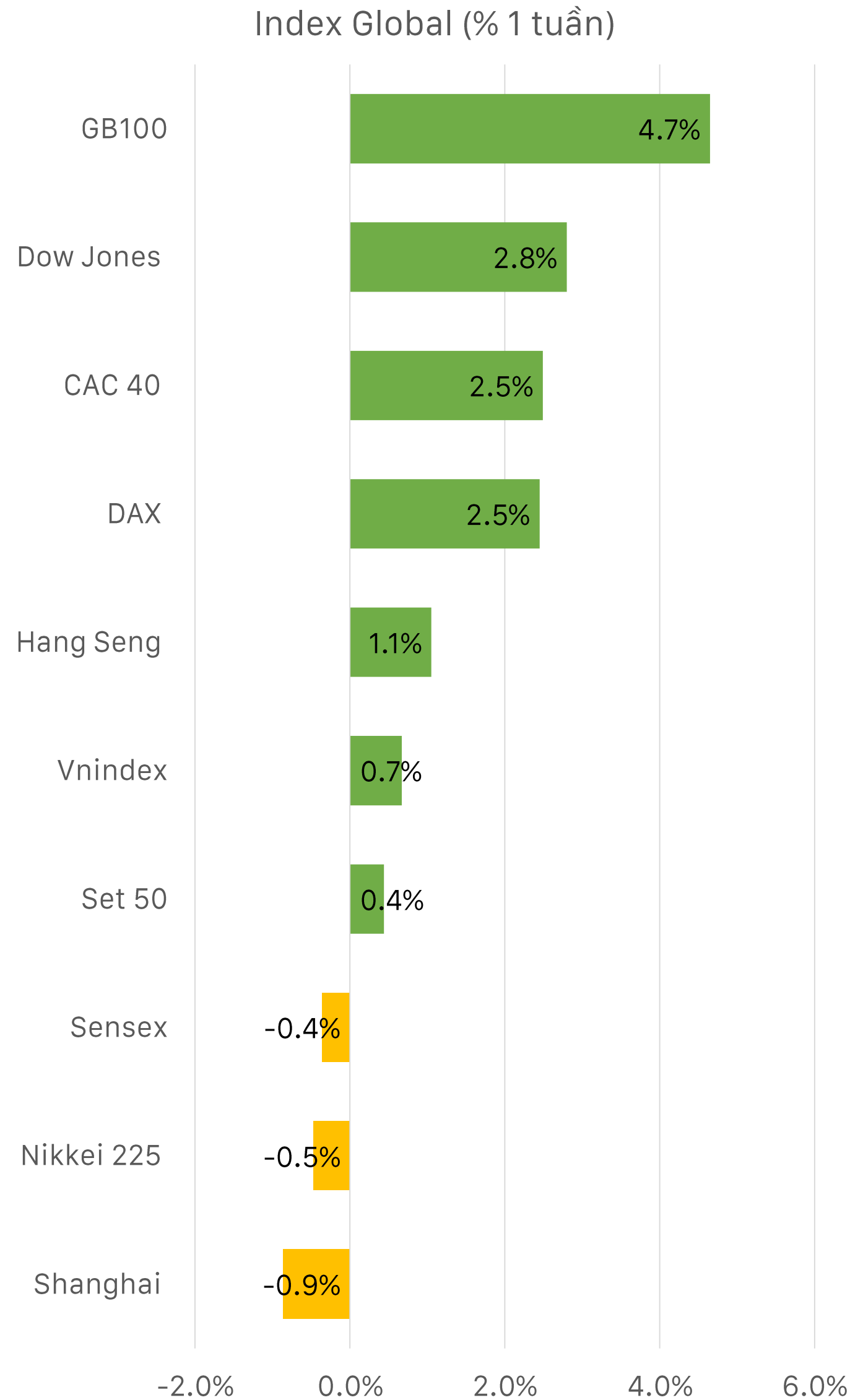
Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa



1. Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. Những báo cáo kinh tế gần đây cho thấy sản xuất công nghiệp và xuất khẩu của Japan tiếp tục phục hồi trong đầu năm 2026, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao như bán dẫn, thiết bị điện tử và ô tô. Nhu cầu từ các thị trường châu Á và Mỹ giúp đơn hàng mới tăng, qua đó hỗ trợ tăng trưởng GDP trong bối cảnh tiêu dùng nội địa phục hồi chậm. Các chỉ số PMI sản xuất duy trì trên ngưỡng mở rộng, cho thấy khu vực công nghiệp vẫn đóng vai trò trụ cột của nền kinh tế. **2. Lạm phát ổn định quanh mục tiêu và chính sách tiền tệ bước vào giai đoạn bình thường hóa.** Lạm phát tại Nhật Bản duy trì gần mức 2 %, phản ánh sự cân bằng giữa chi phí nhập khẩu giảm và giá dịch vụ trong nước tăng. Trong bối cảnh đó, Bank of Japan tiếp tục quá trình rút dần các chính sách tiền tệ siêu nới lỏng đã kéo dài nhiều năm. Tuy nhiên, ngân hàng trung ương vẫn thận trọng trong việc tăng lãi suất mạnh để tránh làm suy yếu đà phục hồi kinh tế và tiêu dùng. **3. Thách thức dài hạn từ tiêu dùng yếu và nhân khẩu học.** Mặc dù nền kinh tế ổn định hơn so với giai đoạn trước, cầu nội địa tại Nhật Bản vẫn tương đối yếu do tăng trưởng tiền lương thực tế chưa đủ mạnh và tâm lý tiết kiệm của hộ gia đình. Ngoài ra, các yếu tố cấu trúc như dân số già hóa nhanh và lực lượng lao động thu hẹp tiếp tục gây áp lực lên tiềm năng tăng trưởng dài hạn. Điều này khiến chính phủ tập trung vào các chính sách thúc đẩy năng suất, chuyển đổi số và đầu tư công nghệ cao.

Sản xuất và xuất khẩu tiếp tục là động lực tăng trưởng chính





- Tuần giao dịch từ 30/3–3/4 ghi nhận sự hồi phục mang tính kỹ thuật trên thị trường chứng khoán Mỹ sau giai đoạn điều chỉnh khá mạnh trước đó. Các chỉ số chủ chốt đều tăng điểm trong tuần, với S&P 500 tăng khoảng 3.2%, Nasdaq tăng 3.7% và Dow Jones tăng 2.8%. Động lực chính đến từ lực cầu bắt đáy khi mặt bằng định giá đã trở nên hấp dẫn hơn sau nhịp giảm trước đó. Tuy nhiên, nếu nhìn rộng hơn theo khung 1 tháng, cả ba chỉ số vẫn đang giảm từ 4–5%, cho thấy xu hướng điều chỉnh trung hạn vẫn chưa hoàn toàn kết thúc. Thị trường hiện đang ở trạng thái giằng co giữa kỳ vọng hồi phục và áp lực chốt lời, đặc biệt khi rủi ro lạm phát quay lại do giá dầu tăng mạnh vẫn là yếu tố cản trở.
- Đối với thị trường quốc tế, diễn biến có sự phân hóa nhưng nhìn chung vẫn đồng pha với Mỹ. Tại châu Âu, các chỉ số như DAX (+2.5%), CAC 40 (+2.5%) và Euro Stoxx 50 (+2.3%) đều ghi nhận mức tăng tích cực trong tuần, phản ánh tâm lý ổn định trở lại của nhà đầu tư sau các cú sốc trước đó. Tuy nhiên, mức tăng không quá mạnh cho thấy dòng tiền vẫn thận trọng. Trong khi đó, khu vực châu Á lại có phần yếu hơn: Nikkei 225 giảm nhẹ -0.5%, Shanghai giảm -0.9%, cho thấy áp lực nội tại vẫn hiện hữu, đặc biệt tại Trung Quốc khi các yếu tố vĩ mô chưa thực sự cải thiện rõ rệt. Hang Seng là điểm sáng hiếm hoi khi tăng 1.1%, nhưng mức tăng này vẫn chưa đủ để đảo chiều xu hướng giảm ngắn hạn.
- Xét tổng thể, thị trường toàn cầu đang trong giai đoạn “tái cân bằng” sau khi trải qua quý I biến động mạnh. Dòng tiền có xu hướng chọn lọc hơn, ưu tiên các thị trường hoặc nhóm ngành có nền tảng cơ bản tốt, thay vì lan tỏa rộng như giai đoạn trước. Đồng thời, chỉ số DXY gần như đi ngang trong tuần (-0.1%) nhưng vẫn tăng nhẹ theo tháng, cho thấy đồng USD duy trì sức mạnh tương đối – yếu tố thường gây áp lực lên dòng vốn tại các thị trường mới nổi.

BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI TÀI SẢN



| Chỉ số | Đóng cửa | 1 Tuần | 1 Tháng | Từ đầu năm | 1 Năm |
|---------------|----------|--------|---------|------------|--------|
| Gold | 4,677.28 | 6.8% | -8.1% | 8.3% | 50.3% |
| WTI/USD | 111.54 | 18.1% | 49.6% | 94.3% | 66.6% |
| Bitcoin | 67,088 | 1.1% | -5.2% | -23.3% | -19.6% |
| Dow Jones | 46,431 | 2.8% | -4.7% | -3.4% | 21.2% |
| S&P 500 | 6,571 | 3.2% | -4.4% | -4.0% | 29.5% |
| Nasdaq | 23,977 | 3.7% | -4.5% | -5.0% | 37.8% |
| GP100 | 10,436 | 4.7% | -0.5% | 5.1% | 23.2% |
| DAX | 23,168 | 2.5% | -2.6% | -5.4% | 6.7% |
| CAC 40 | 7,962 | 2.5% | -1.8% | -2.3% | 4.8% |
| Euro Stoxx 50 | 5,693 | 2.3% | -1.4% | -1.7% | 11.3% |
| Nikkei 225 | 53,123 | -0.5% | -2.1% | 5.5% | 57.3% |
| Shanghai | 3,880 | -0.9% | -5.0% | -2.2% | 25.3% |
| Hang Seng | 25,117 | 1.1% | -2.5% | -2.0% | 9.9% |
| Vnindex | 1,684 | 0.7% | -7.4% | -5.6% | 39.1% |
| VND/USD | 26,340 | 0.0% | 0.5% | 0.2% | 2.2% |
| DXY | 100.03 | -0.1% | 1.3% | 1.7% | -2.9% |

- Với thị trường tiền mã hóa, Bitcoin có tuần giao dịch tương đối tích cực khi tăng khoảng 1.1%, duy trì vùng giá quanh 67,000 USD. Tuy nhiên, bức tranh trung hạn lại kém khả quan hơn khi giá vẫn giảm hơn 5% trong 1 tháng và đặc biệt giảm sâu hơn 23% tính từ đầu năm. Điều này phản ánh áp lực điều chỉnh vẫn đang chiếm ưu thế sau giai đoạn tăng nóng trước đó. Biến động của Bitcoin hiện chịu ảnh hưởng lớn từ tâm lý rủi ro toàn cầu: khi thị trường tài chính bất ổn, dòng tiền có xu hướng rút khỏi các tài sản có độ biến động cao. Dù vậy, việc giá giữ được vùng hỗ trợ quan trọng cho thấy lực cầu dài hạn vẫn tồn tại, và thị trường có thể đang bước vào pha tích lũy trước khi xác lập xu hướng mới.
- Trong khi đó, vàng tiếp tục thể hiện vai trò tài sản trú ẩn nổi bật. Giá vàng tăng mạnh 6.8% trong tuần, bất chấp việc vẫn giảm hơn 8% trong 1 tháng trước đó. Diễn biến này cho thấy dòng tiền đang quay lại với vàng trong bối cảnh rủi ro địa chính trị và biến động vĩ mô gia tăng. Tính từ đầu năm, vàng đã tăng hơn 8% và thậm chí tăng tới 50% so với cùng kỳ năm trước – một mức tăng rất đáng chú ý. Điều này phản ánh nhu cầu phòng thủ vẫn rất lớn trong hệ thống tài chính toàn cầu. Tuy nhiên, về mặt kỹ thuật, sau nhịp tăng mạnh ngắn hạn, vàng có thể đối mặt với áp lực điều chỉnh nếu các yếu tố hỗ trợ như căng thẳng địa chính trị hoặc kỳ vọng nới lỏng tiền tệ suy yếu.
- Tuần qua cho thấy tín hiệu hồi phục ngắn hạn trên thị trường tài chính toàn cầu, nhưng chưa đủ để xác nhận xu hướng tăng bền vững. Chứng khoán Mỹ và châu Âu đang trong pha hồi kỹ thuật, châu Á còn phân hóa, Bitcoin tích lũy sau điều chỉnh, trong khi vàng nổi lên như kênh trú ẩn. Sự bất định trong quan hệ chính trị và tình hình leo thang chiến tranh kéo dài sẽ tác động sâu rộng hơn đến nền kinh tế toàn cầu năm nay.

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



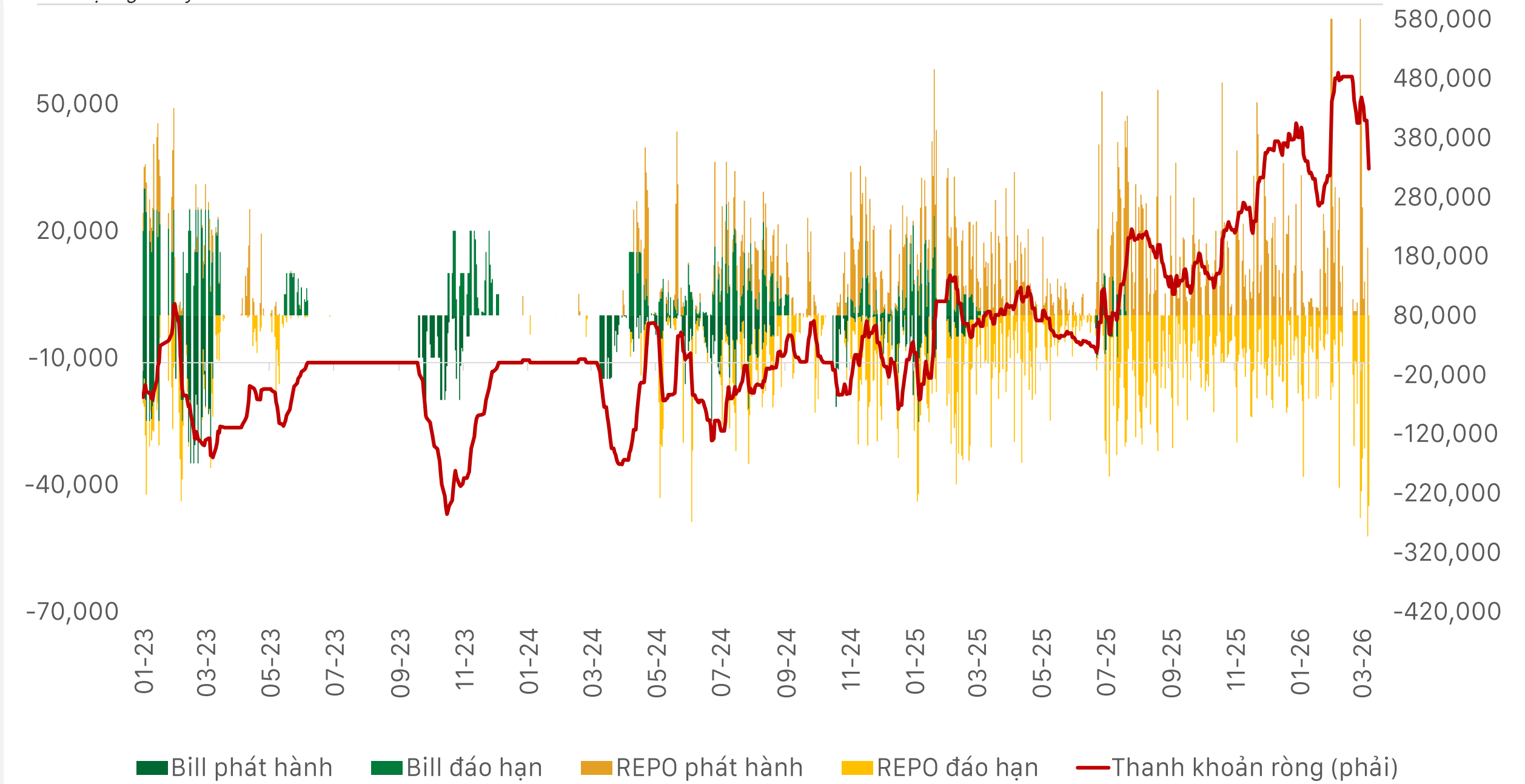
NHNN duy trì bơm thanh khoản – ưu tiên ổn định lãi suất. Trong bối cảnh thanh khoản hệ thống tiếp tục được hỗ trợ, NHNN tiếp tục điều tiết thị trường tiền tệ thông qua nghiệp vụ thị trường mở nhằm giữ mặt bằng lãi suất liên ngân hàng ở mức thấp. Việc bơm ròng OMO trong nhiều thời điểm cho thấy định hướng của cơ quan điều hành là duy trì điều kiện tiền tệ thuận lợi để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đồng thời hạn chế biến động quá lớn của lãi suất trong hệ thống. Tuy nhiên, việc duy trì thanh khoản dồi dào cũng cần được cân nhắc trong bối cảnh áp lực tỷ giá vẫn tiềm ẩn. Do đó, NHNN nhiều khả năng sẽ tiếp tục áp dụng chiến lược điều hành linh hoạt, kết hợp giữa điều tiết thanh khoản và can thiệp ngoại hối khi cần thiết nhằm đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ. **DXY hạ nhiệt – áp lực tỷ giá tạm thời suy giảm.** Chỉ số DXY đã giảm từ vùng đỉnh trước đó và hiện dao động quanh vùng thấp hơn do thị trường điều chỉnh kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Fed. Dữ liệu kinh tế Mỹ gần đây cho thấy tăng trưởng và thị trường lao động có dấu hiệu chậm lại, làm gia tăng kỳ vọng về khả năng Fed cắt giảm lãi suất trong thời gian tới. Đối với Việt Nam, tỷ giá USD/VND sau giai đoạn tăng mạnh đã có xu hướng ổn định trở lại. Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá duy trì quanh vùng cao nhưng biến động thu hẹp, trong khi chênh lệch giữa thị trường ngân hàng và thị trường tự do không quá lớn. Điều này phản ánh cung – cầu ngoại tệ nhìn chung vẫn tương đối cân bằng nhờ nguồn cung ngoại tệ từ xuất khẩu, FDI và kiều hối tiếp tục duy trì tích cực. **Rủi ro từ giá dầu và yếu tố địa chính trị vẫn cần theo dõi.** Trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông. Giá dầu tăng mạnh có thể làm gia tăng chi phí nhập khẩu năng lượng và gây áp lực lên lạm phát trong nước, đồng thời ảnh hưởng đến cán cân thương mại và kỳ vọng tỷ giá. Trong trường hợp giá dầu duy trì ở mức cao trong thời gian dài, áp lực lên USD/VND có thể quay trở lại do nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu năng lượng tăng lên. Vì vậy, diễn biến của thị trường năng lượng toàn cầu sẽ là một biến số quan trọng cần theo dõi trong thời gian tới.

DXY hạ nhiệt từ đỉnh

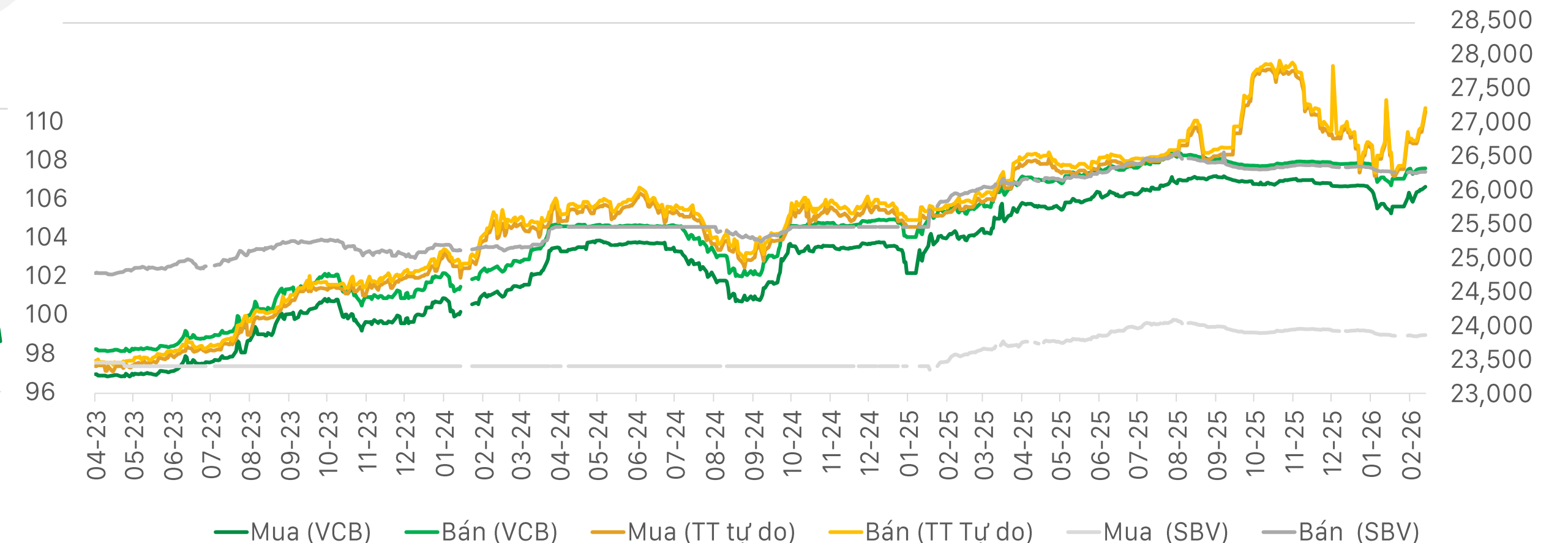


NHNN duy trì kiểm soát điều hành thanh khoản nhằm hỗ trợ lãi suất

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



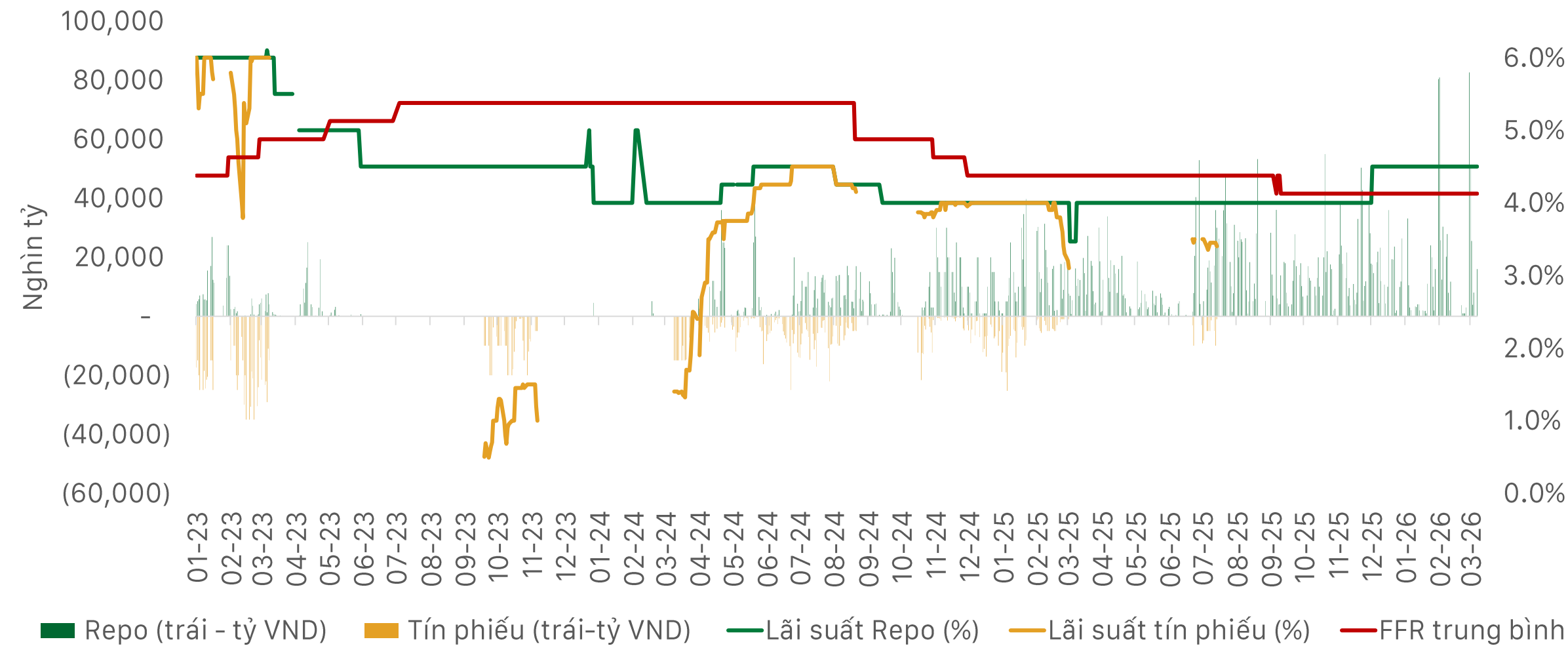
USD/VND giảm bớt áp lực. Đơn vị: VND/USD



LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH – NHNN TÍCH CỰC KIỂM SOÁT QUA THỊ TRƯỜNG MỞ

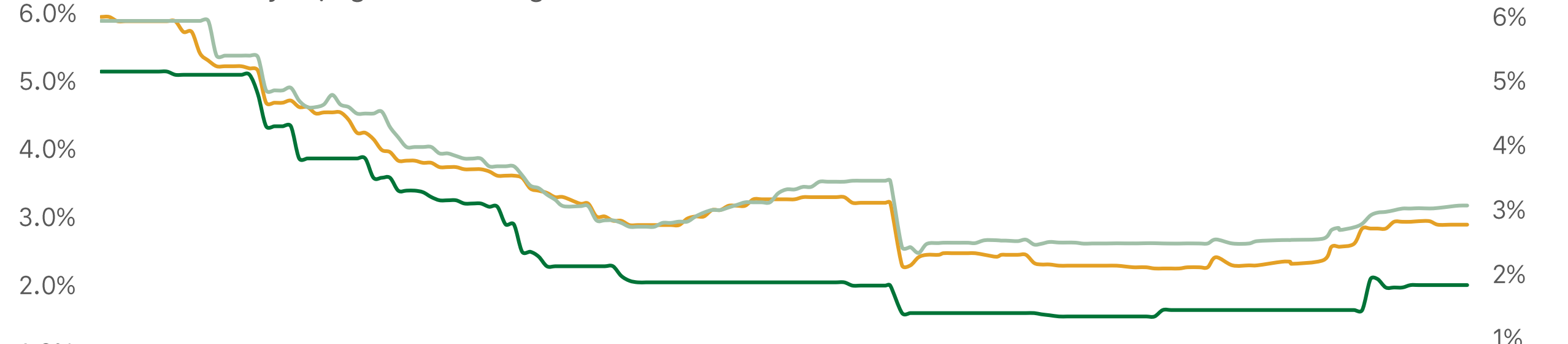


NHNN tiếp tục bơm thanh khoản bằng công cụ REPO

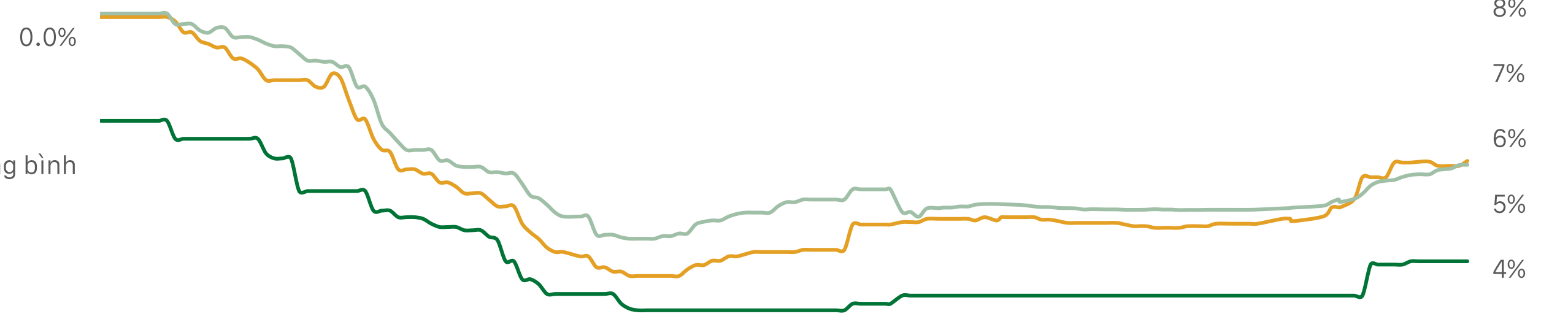


Mặt bằng lãi suất huy động có tăng nhẹ nhưng vẫn duy trì ở mức thấp.

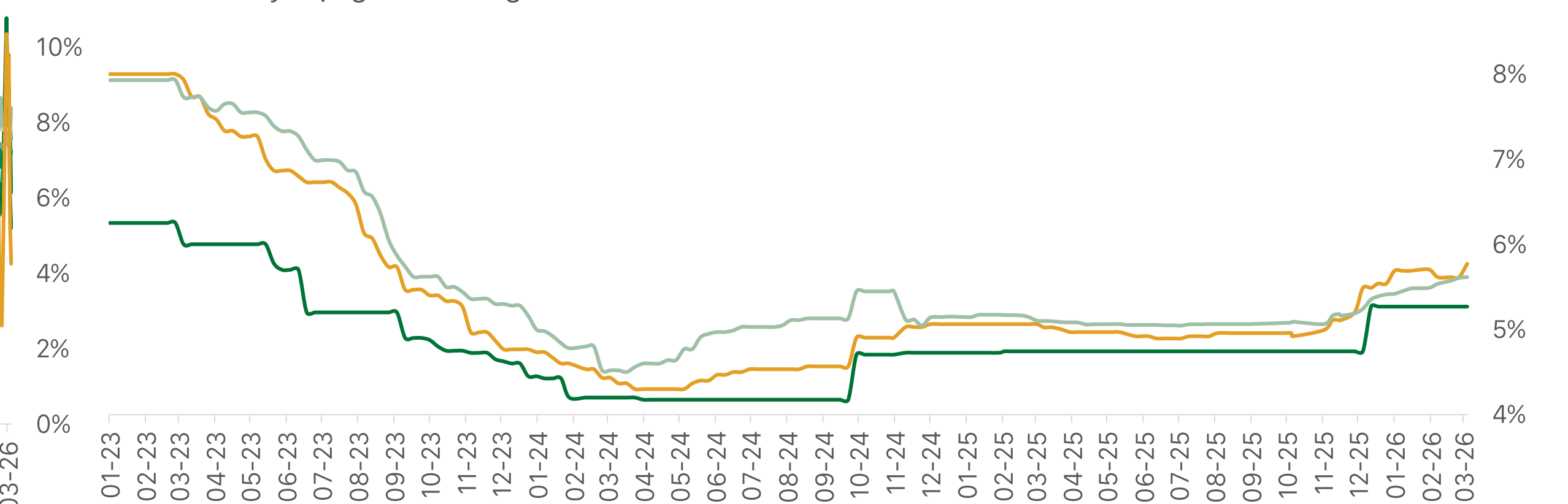
Lãi Suất Huy Động <3 - 6 tháng



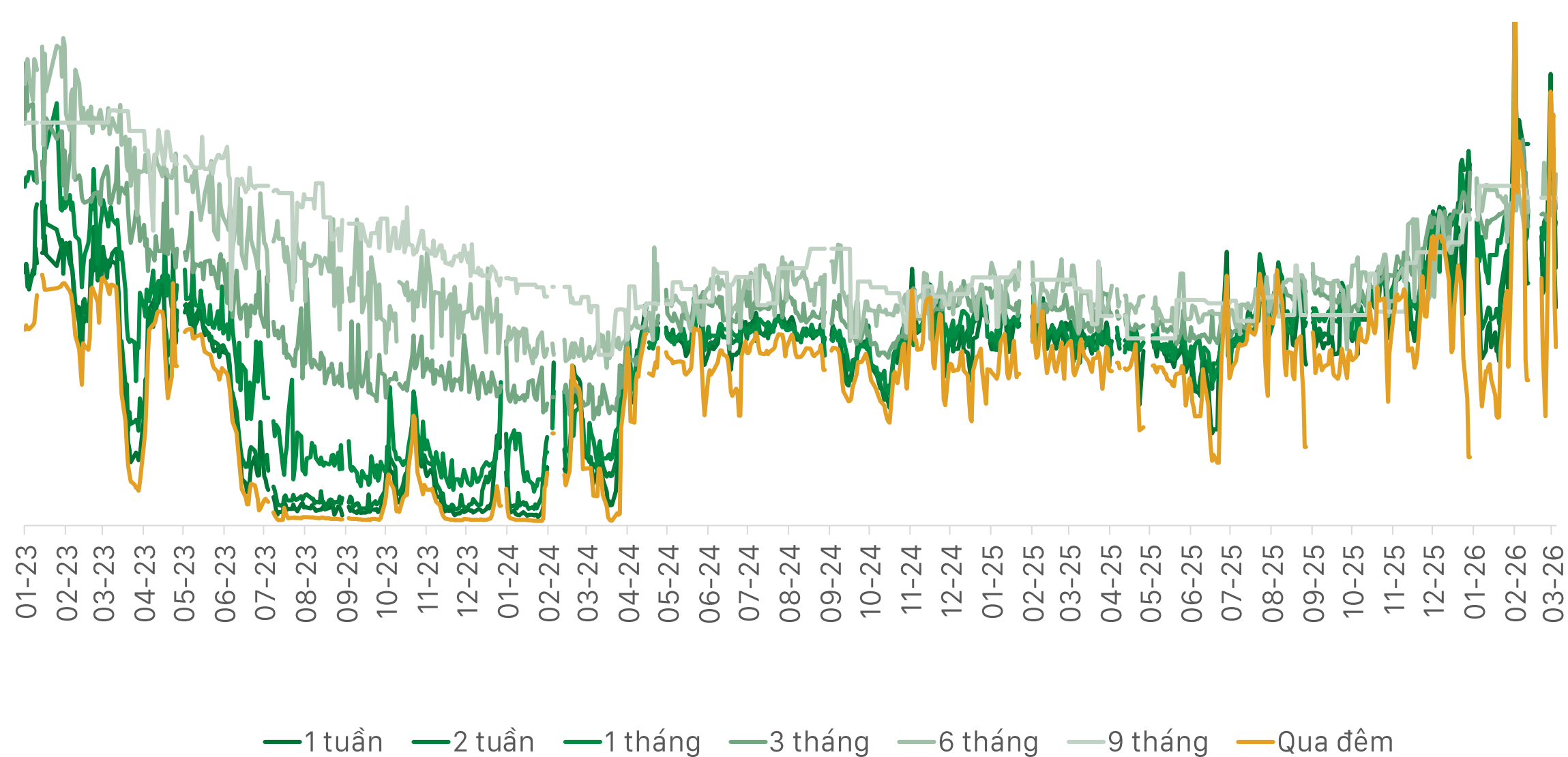
Lãi Suất Huy Động 6 - 9 tháng



Lãi Suất Huy Động > 12 tháng



Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh nhưng đã được kiểm soát

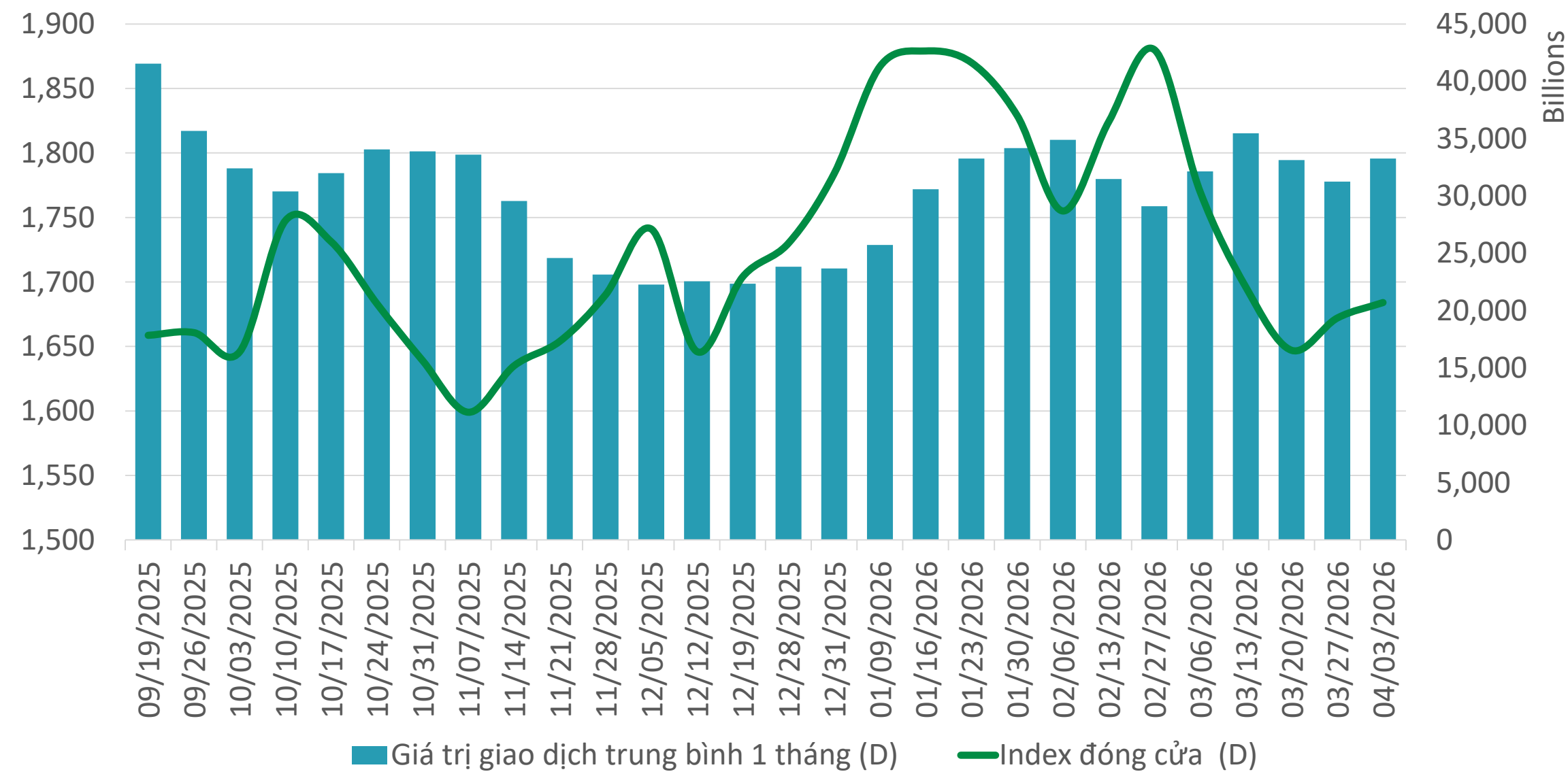


Nhóm NHTMNN

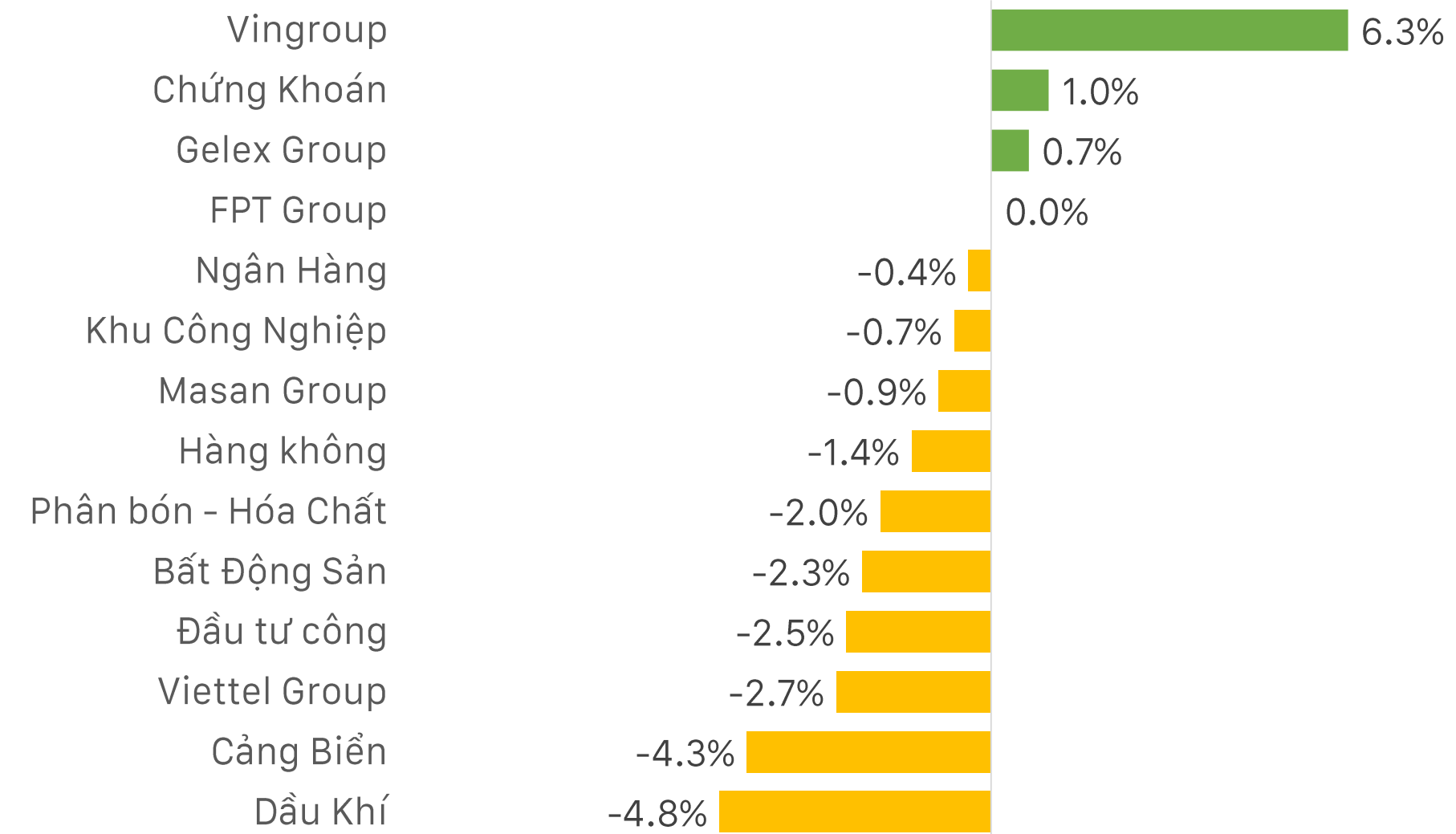
Nhóm NHTMCP lớn

Nhóm NHTMCP khác

VN-Index và thanh khoản



Biến động các nhóm CP theo tuần

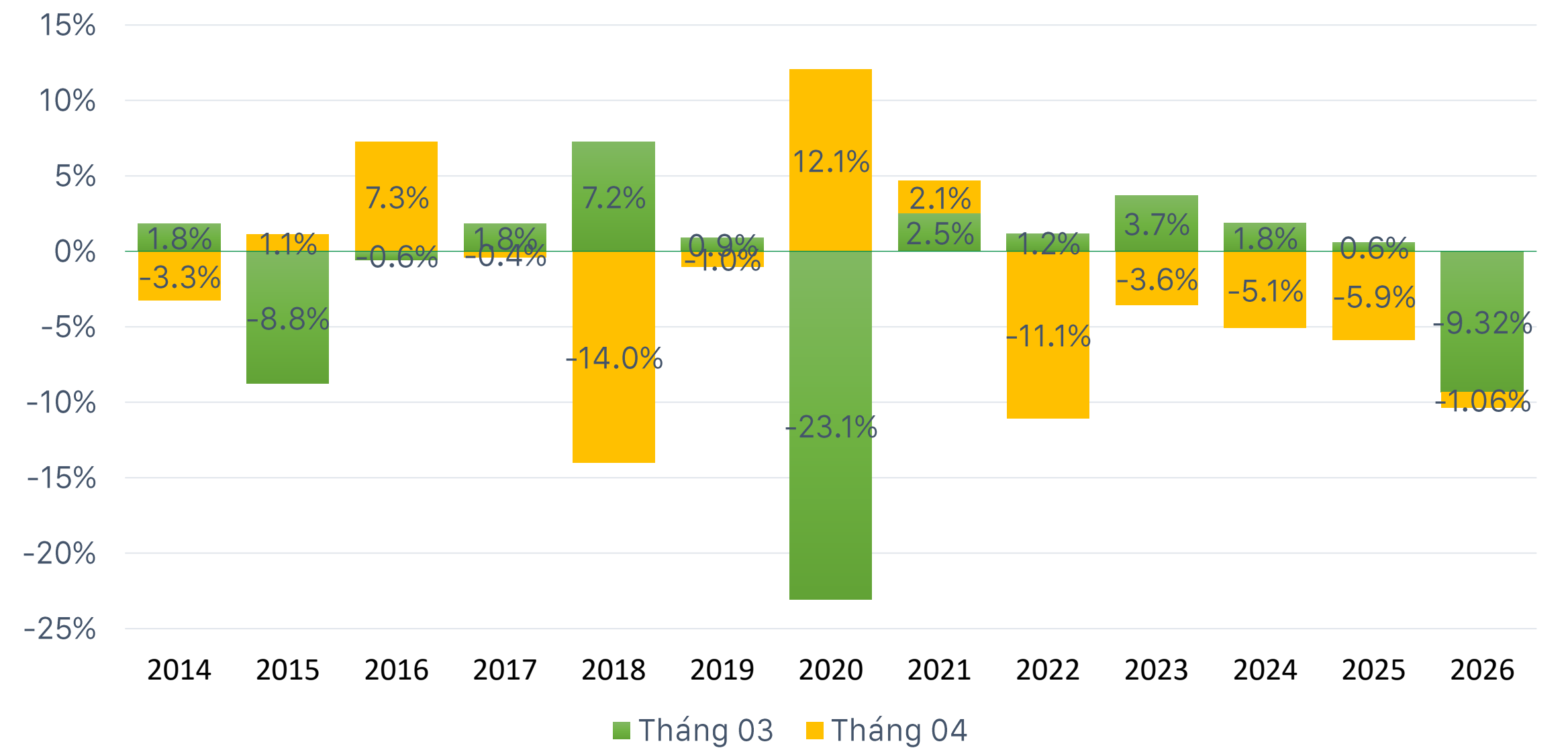


- Trong tuần giao dịch từ 30/3 đến 3/4, thị trường Việt Nam giữ nhịp tăng nhẹ từ 1672 lên 1684. Dù chỉ số Index tăng nhưng động lực chung của thị trường có dấu hiệu suy yếu do biến động thiếu lạc quan từ quốc tế. Dù có những phiên rung lắc mạnh nhưng thị trường vẫn giữ mức Index xanh cho thấy lực cầu bắt đáy vẫn duy trì khá tốt. Thanh khoản duy trì ở mức trung bình, phản ánh tâm lý nhà đầu tư vẫn thận trọng, song không còn trạng thái bán tháo như trước. Diễn biến này cho thấy thị trường đang bước vào giai đoạn cân bằng lại cung – cầu, với xu hướng nghiêng nhẹ về phục hồi kỹ thuật.
- Xét theo nhóm cổ phiếu, một số mã vốn hóa lớn đã đóng vai trò nâng đỡ chỉ số như VIC, VHM sau khi tin VHM có kế hoạch chia cổ tức lớn. Sau giai đoạn đi ngang tích lũy nhóm Vingroup đóng vai trò khá lớn trong việc giữ nhịp thị trường trong tuần qua. Bên cạnh đó, các cổ phiếu chứng khoán như HCM, FTS, BSI, MBS cũng thu hút dòng tiền trở lại nhờ kỳ vọng tin tức thị trường nâng hạng. Các nhóm ngành như dầu khí, bất động sản suy yếu trở lại và vẫn chịu áp lực bán khá lớn sau giai đoạn tăng ngắn.

PE thị trường hiện quanh 14 thấp hơn giai đoạn 2022



Diễn biến Vnindex qua các tháng 03,04 từ 2014

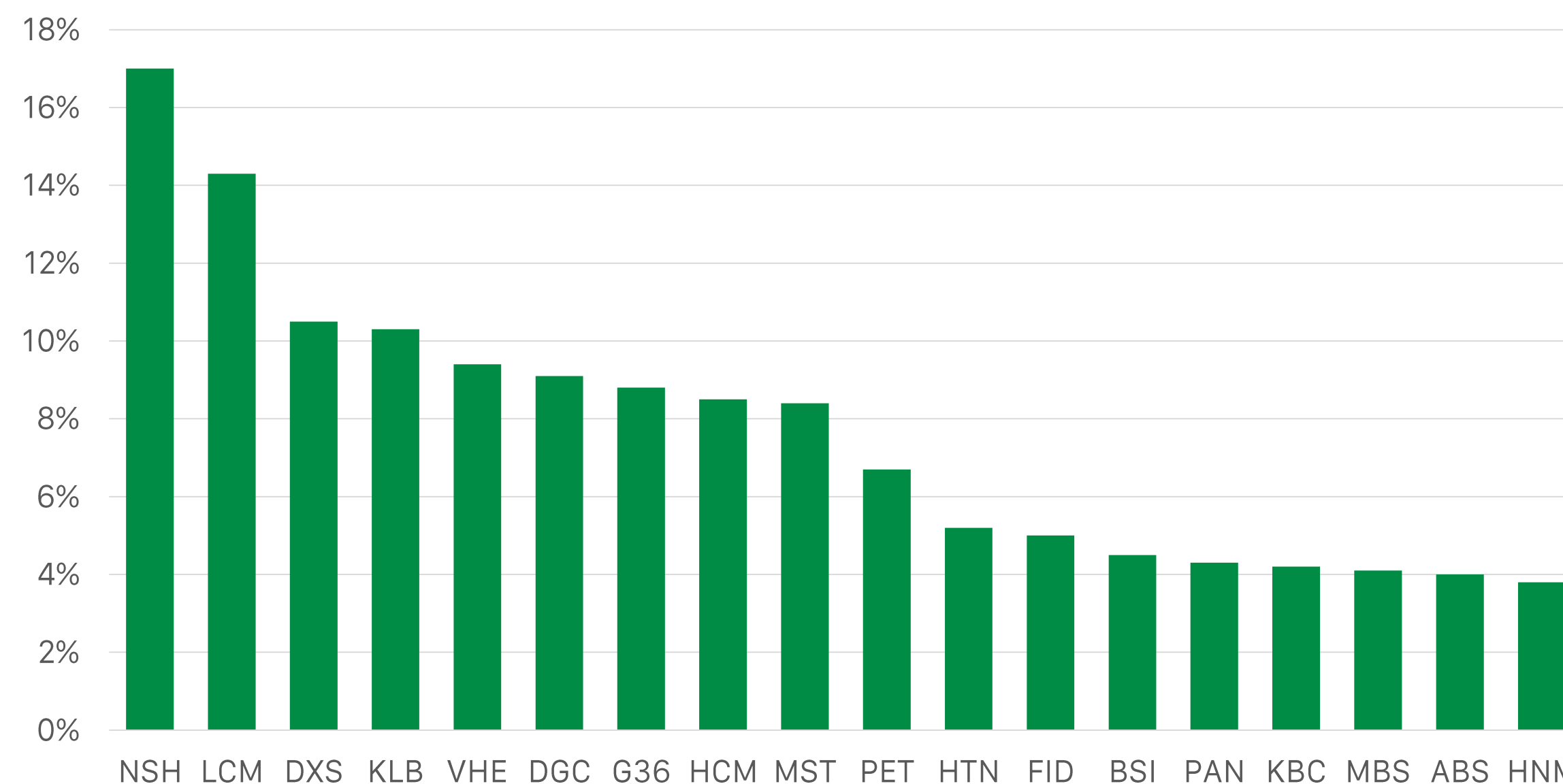


- Sau đợt biến động mạnh vừa qua, mặt bằng định giá của thị trường đã hạ nhiệt rõ rệt khi P/E của VN-Index lùi xuống dưới ngưỡng 13,6 lần. Diễn biến này chủ yếu xuất phát từ việc nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn đồng loạt điều chỉnh 5–10%, qua đó kéo mức định giá chung về vùng thấp hơn. So với lịch sử, P/E hiện tại tương đồng với giai đoạn tháng 3–5/2025, cho thấy thị trường đang quay lại vùng định giá tương đối hấp dẫn cho mục tiêu trung hạn. Đáng chú ý, ở nhóm vốn hóa lớn, đặc biệt là ngành ngân hàng, nhiều cổ phiếu đang giao dịch với P/E dưới 10 lần, bao gồm không ít doanh nghiệp đầu ngành, qua đó mở ra dư địa thu hút dòng tiền khi định giá trở nên hợp lý hơn.
- Trong tháng 3 vừa qua, VN-Index đã giảm trung bình hơn -9% trở thành năm thứ 2 suy giảm mạnh nhất kể từ năm 2020. Năm nay thị trường điều chỉnh sớm hơn do chỉ số Vnindex đã có chuỗi tăng trưởng từ 1100 tháng 4.2025 lên mức đỉnh cao nhất 1900 vào tháng 1 năm nay. Trong bối cảnh các biến số vĩ mô và địa chính trị vẫn còn nhiều bất định, thị trường nhiều khả năng tiếp tục đối mặt với áp lực điều chỉnh và dao động mạnh trong ngắn hạn, trước khi có thể hình thành trạng thái cân bằng rõ ràng hơn.

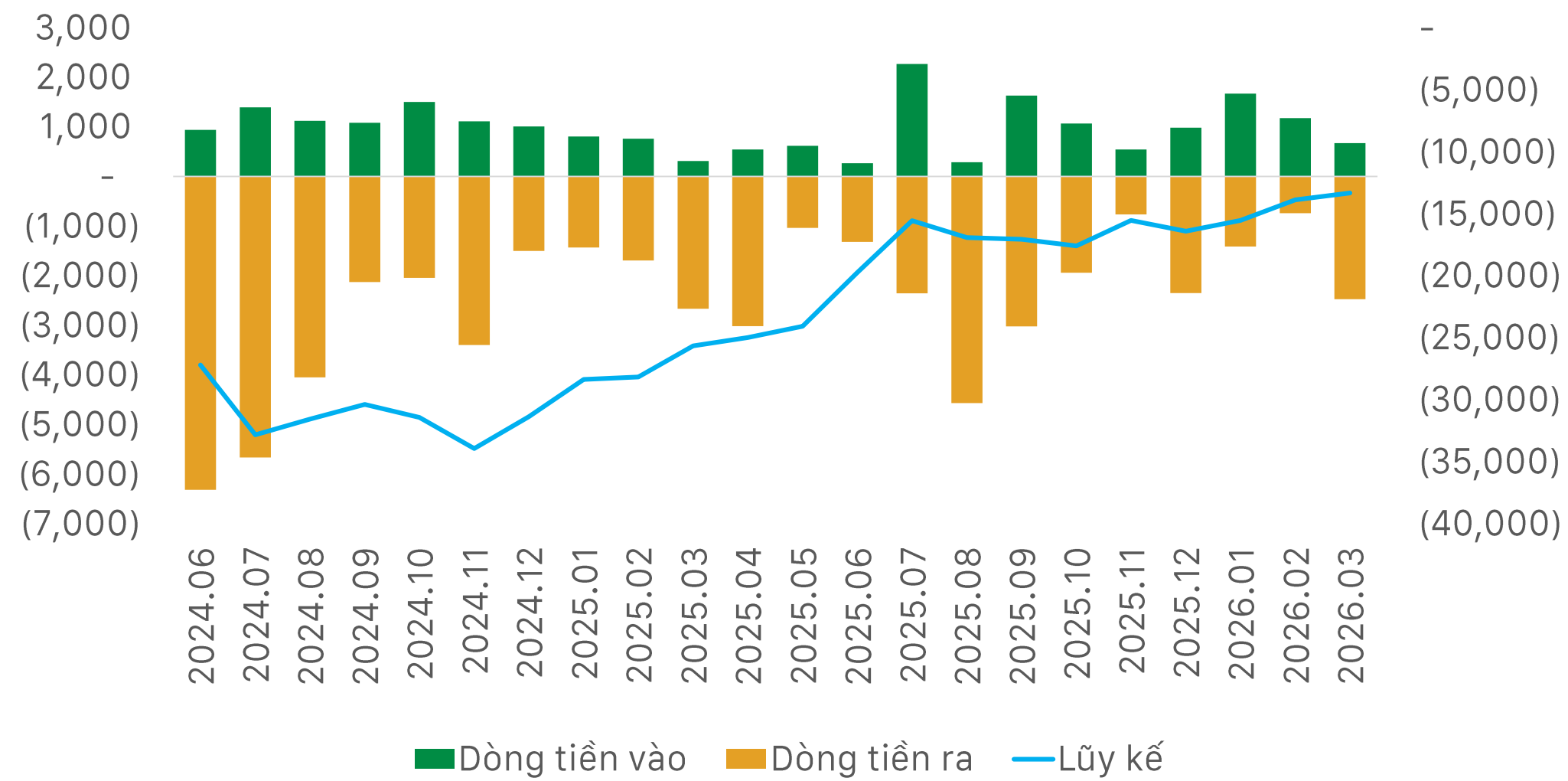
| Chỉ số / Ngành | Index | P/E | % 1 tuần | % 1 tháng |
|-------------------------------|----------|-------|----------|-----------|
| VNINDEX | 1,684.00 | 13.62 | 0.7% | -10.4% |
| Ngân hàng | 735.20 | 9.12 | -0.4% | -9.3% |
| Dịch vụ tài chính | 951.55 | 14.01 | +1.0% | -8.8% |
| Bất động sản | 986.64 | 18.02 | +1.2% | -14.5% |
| Hóa chất | 302.75 | 16.15 | -0.8% | -11.9% |
| Tài nguyên Cơ bản | 510.43 | 16.76 | -2.2% | -7.3% |
| Ô tô và phụ tùng | 373.89 | 7.27 | -4.8% | 0.9% |
| Bán lẻ | 1,569.49 | 17.29 | -3.0% | -12.5% |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 176.78 | 10.47 | -1.2% | -7.0% |
| Viễn thông | 1,206.77 | 26.45 | -3.1% | -12.9% |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 6,936.60 | 13.34 | -4.2% | -14.7% |
| Dầu khí | 135.99 | 20.95 | -5.1% | -18.3% |
| Thực phẩm và đồ uống | 635.54 | 16.94 | -1.3% | -28.7% |
| Xây dựng và Vật liệu | 351.10 | 9.30 | -2.2% | -6.5% |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 279.66 | 13.98 | -4.0% | -18.3% |
| Y tế | 1,081.28 | 17.21 | -0.8% | -2.6% |
| Công nghệ Thông tin | 642.99 | 13.73 | -1.2% | -18.0% |
| Truyền thông | 589.06 | 39.02 | -2.3% | -9.8% |
| Bảo hiểm | 482.22 | 17.65 | 1.2% | 1.7% |
| Du lịch và Giải trí | 42.28 | 25.02 | -0.5% | -8.1% |

- Trong tuần qua chỉ số Vnindex giữ mức xanh nhẹ về mặt điểm số trong bối cảnh chung hầu hết các ngành đều bị suy giảm.
- Nổi bật nhất trong tuần hầu như chỉ đến từ nhóm cổ phiếu Vingroup với tâm điểm VHM và nhóm cổ phiếu chứng khoán với một vài đại diện như HCM, FTS, MBS. Các nhóm ngành còn lại bị áp lực giảm khá sâu như dầu khí, bán lẻ, đầu tư công.
- Các cổ phiếu tăng nổi bật nhất trong tuần hầu hết là đến từ nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ có câu chuyện riêng như LCM, DXS, DGC, HTN, PAN, KBC.

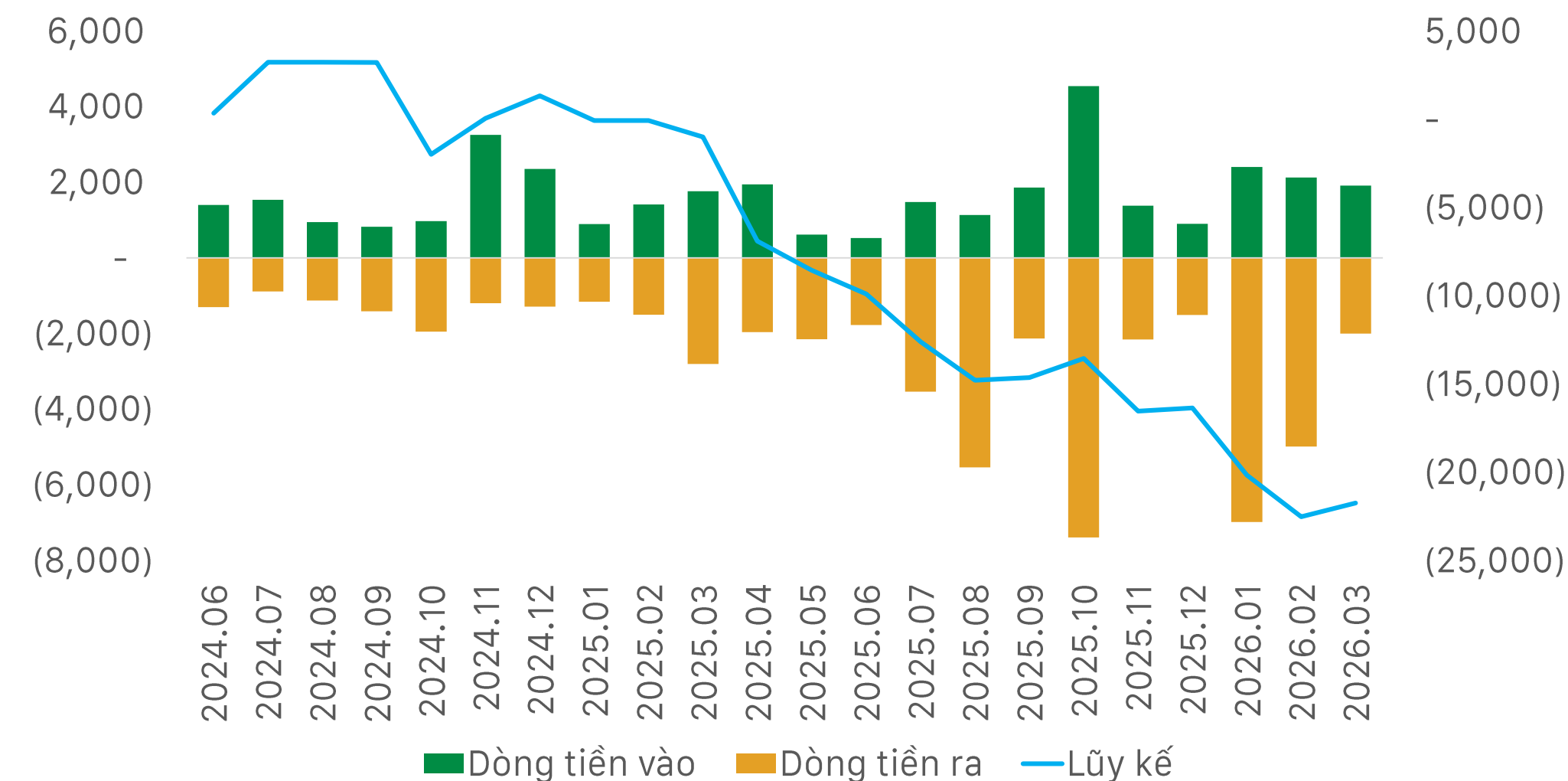
Cổ phiếu tăng tốt nhất trong tuần



Dòng tiền của quỹ ETF vào VN (tỷ VND)



Dòng tiền các quỹ khác (tỷ VND)



Dòng vốn toàn cầu trước căng thẳng Trung Đông

- Khi bước vào giai đoạn cuối quý I/2026, bức tranh dòng vốn toàn cầu cho thấy sự tái phân bổ rõ rệt trong bối cảnh rủi ro vĩ mô và địa chính trị gia tăng. Những yếu tố như căng thẳng tại Trung Đông, áp lực lạm phát quay trở lại, nợ công tăng cao và sự hoài nghi về hiệu quả đầu tư vào trí tuệ nhân tạo đã khiến nhà đầu tư chuyển sang trạng thái phòng thủ có chọn lọc. Tuy nhiên, dòng tiền không rút khỏi thị trường mà chủ yếu luân chuyển giữa các khu vực, ngành và loại tài sản nhằm tối ưu hóa rủi ro – lợi nhuận.
- Tổng thể, các quỹ cổ phiếu toàn cầu vẫn thu hút mạnh dòng vốn với quy mô hơn 62 tỷ USD, phản ánh niềm tin dài hạn vào tài sản rủi ro. Song song đó, các quỹ trái phiếu và thị trường tiền tệ cũng ghi nhận dòng vốn vào đáng kể, lần lượt khoảng 10 tỷ USD và 23 tỷ USD, cho thấy xu hướng gia tăng tỷ trọng tài sản phòng thủ trong danh mục. Điều này phản ánh chiến lược “barbell” – vừa duy trì cổ phiếu, vừa tăng phân bổ vào các tài sản an toàn để cân bằng rủi ro.
- **Tại các thị trường phát triển**, dòng tiền tiếp tục tập trung mạnh vào Mỹ và các quỹ cổ phiếu toàn cầu. Đáng chú ý, bất chấp những tín hiệu kém tích cực từ kinh tế vĩ mô và biến động giá năng lượng, các quỹ cổ phiếu Mỹ vẫn thu hút dòng tiền lớn, đặc biệt là nhóm cổ phiếu cổ tức và quỹ đa vốn hóa. Đây là dấu hiệu cho thấy nhà đầu tư ưu tiên các doanh nghiệp có dòng tiền ổn định và khả năng chống chịu tốt trong môi trường lãi suất và lạm phát biến động. Ngoài Mỹ, Nhật Bản và Canada cũng nổi lên như điểm đến hấp dẫn nhờ triển vọng kinh tế ổn định và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Top CP các quỹ VN nắm giữ

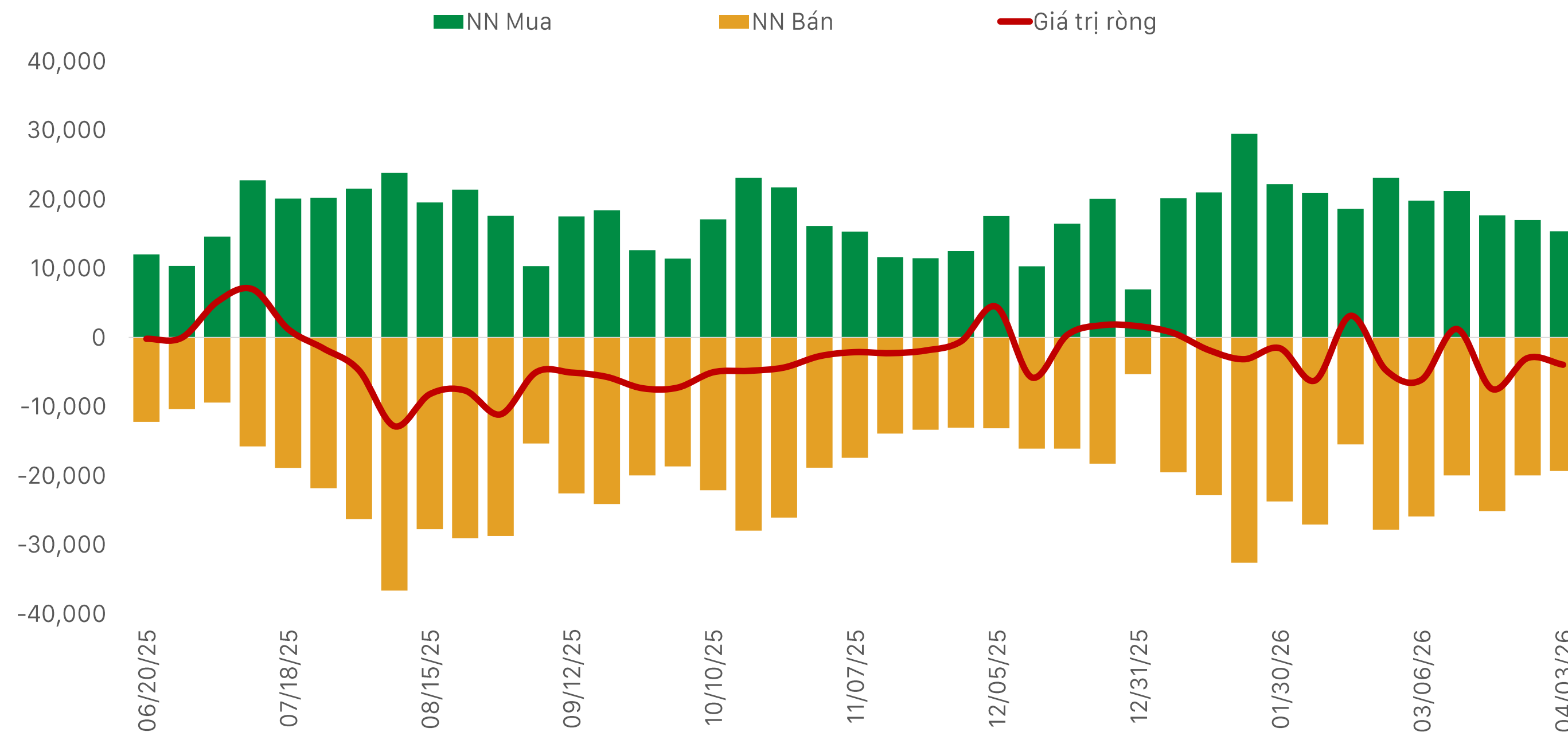
| CP | 2026.02 | Đầu năm | Tăng giảm | Giá trị (tỷ VND) |
|-----|-------------|-------------|-----------|------------------|
| MWG | 170,605,234 | 198,471,546 | -14.0% | 15,883 |
| MBB | 406,285,475 | 387,526,428 | 4.8% | 11,579 |
| VIC | 59,263,636 | 93,120,380 | -36.4% | 10,193 |
| HPG | 325,429,612 | 439,037,677 | -25.9% | 9,372 |
| STB | 133,662,410 | 132,536,913 | 0.8% | 8,755 |
| VHM | 78,549,070 | 105,575,334 | -25.6% | 8,483 |
| FPT | 87,781,702 | 138,865,511 | -36.8% | 8,155 |
| CTG | 187,335,768 | 249,015,752 | -24.8% | 7,166 |
| TCB | 183,373,891 | 204,450,958 | -10.3% | 6,647 |
| VCB | 94,175,697 | 76,231,397 | 23.5% | 6,112 |
| VPB | 182,879,754 | 237,645,365 | -23.0% | 5,294 |
| PNJ | 40,762,351 | 35,406,534 | 15.1% | 4,969 |
| ACB | 186,599,244 | 214,690,048 | -13.1% | 4,573 |
| GMD | 50,669,775 | 28,001,851 | 81.0% | 4,277 |
| KDH | 127,872,140 | 194,643,253 | -34.3% | 3,485 |
| MSN | 39,595,815 | 62,127,034 | -36.3% | 3,128 |
| SSI | 87,503,246 | 98,954,645 | -11.6% | 2,835 |
| VNM | 38,367,596 | 37,523,298 | 2.3% | 2,617 |
| ACV | 22,532,586 | 30,617,774 | -26.4% | 1,201 |
| TPB | 34,226,399 | 33,076,088 | 3.5% | 630 |
| DGC | 8,037,187 | 8,648,213 | -7.1% | 593 |

- Đối với thị trường mới nổi (Emerging Markets)**, xu hướng rút vốn quay trở lại sau chuỗi tăng trưởng kéo dài từ đầu tháng 2. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc nhà đầu tư gia tăng khẩu vị phòng thủ trước các rủi ro địa chính trị và biến động vĩ mô. Các quỹ cổ phiếu châu Á ngoài Nhật Bản và quỹ thị trường mới nổi toàn cầu ghi nhận dòng vốn rút ra đáng kể, tập trung ở Trung Quốc và Ấn Độ. Tuy nhiên, dòng tiền không rút hoàn toàn mà có sự dịch chuyển sang các thị trường có câu chuyện tăng trưởng rõ ràng hơn.
- Ở thị trường cận biên (Frontier Markets)**, dòng tiền thể hiện sự phân hóa mạnh theo yếu tố năng lượng. Các quốc gia xuất khẩu dầu như khu vực Trung Đông (Qatar, UAE) ghi nhận dòng vốn vào kỷ lục khi giá năng lượng tăng cao, qua đó cải thiện triển vọng ngân sách và tăng trưởng. Ngược lại, các nền kinh tế phụ thuộc nhập khẩu năng lượng như Thổ Nhĩ Kỳ và Nam Phi lại chịu áp lực rút vốn. Tại Đông Nam Á, xu hướng rút vốn vẫn chiếm ưu thế khi nhà đầu tư giảm tỷ trọng ở các thị trường quy mô nhỏ và thanh khoản thấp hơn.
- Xét theo nhóm ngành**, dòng tiền toàn cầu đang tập trung rõ rệt vào các lĩnh vực mang tính phòng thủ và hưởng lợi từ bối cảnh địa chính trị. Nổi bật nhất là nhóm quốc phòng và hàng không vũ trụ khi ghi nhận mức hút vốn kỷ lục, phản ánh kỳ vọng gia tăng chi tiêu quân sự trên toàn cầu. Kéo theo đó, nhóm công nghiệp và hạ tầng cũng được hưởng lợi khi nhiều quốc gia đẩy mạnh đầu tư công và tái cấu trúc chuỗi cung ứng.
- Ở góc độ các loại tài sản**, xu hướng đa dạng hóa danh mục tiếp tục được đẩy mạnh. Các quỹ trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu chống lạm phát, duy trì chuỗi hút vốn liên tiếp, cho thấy nhà đầu tư vẫn ưu tiên bảo toàn giá trị trong môi trường bất định. Quỹ thị trường tiền tệ cũng thu hút dòng tiền lớn nhờ tính thanh khoản cao và rủi ro thấp.

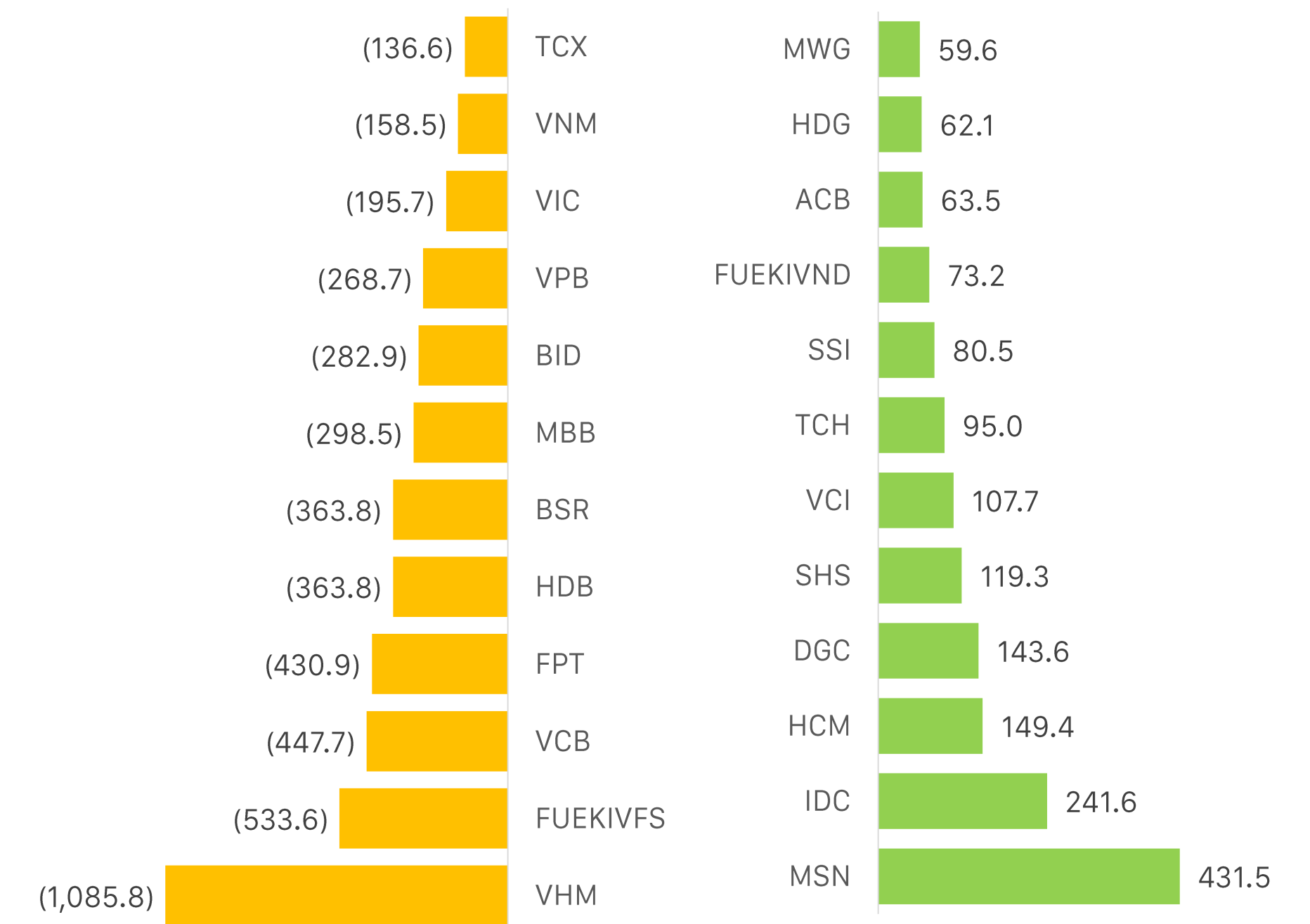
KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại theo tuần (tỷ VND)



Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

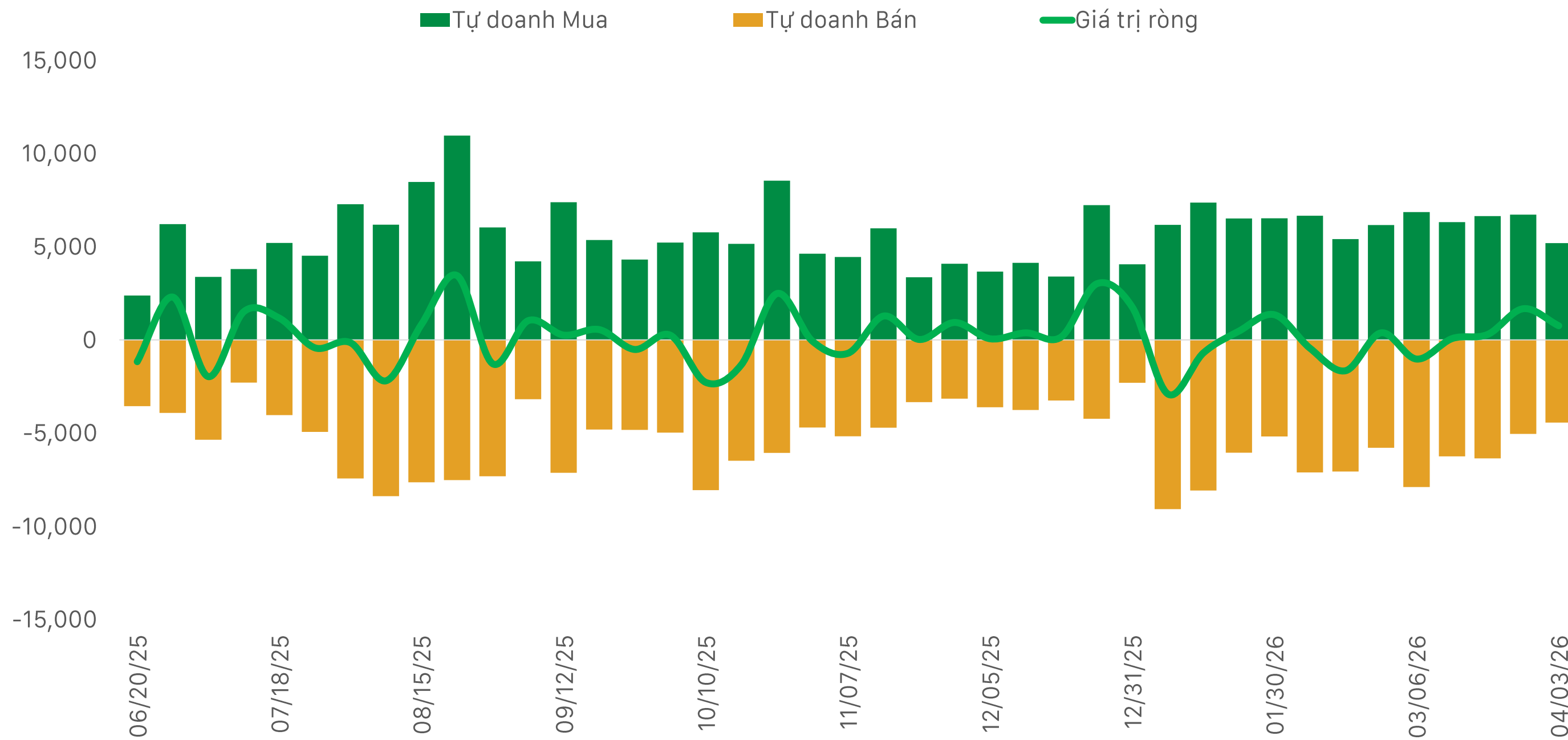


- Trong tuần qua khối ngoại mua vào khoảng 15382 tỷ đồng, giảm -10% so với tuần trước và bán ra hơn 19 ngàn tỷ đồng, giảm -3%. Tính chung cả tuần khối ngoại bán ròng gần 4000 tỷ đồng. Đây là tuần thứ 3 liên tiếp khối ngoại bán ròng với giá trị hơn 14 ngàn tỷ đồng
- Đứng đầu nhóm cổ phiếu bán ròng trong tuần là cổ phiếu VHM khi cổ phiếu này có bước tăng giá hơn 20% sau khi có tin chia cổ tức. Một số cổ phiếu ngân hàng nằm trong danh sách bán ròng nhiều có VCB, HDB, MBB, BID, VPB với tổng cộng hơn 1700 tỷ đồng.
- Phía mua ròng nổi bật có MSN mua ròng hơn 431 tỷ đồng, IDC đứng thứ hai với 241 tỷ. Các cổ phiếu còn lại trải đều ở các nhóm chủ yếu chứng khoán như HCM, SHS, VCI, SSI. Một số cổ phiếu mua ròng mạnh trở lại đáng chú ý như MWG, TCH, HDG.

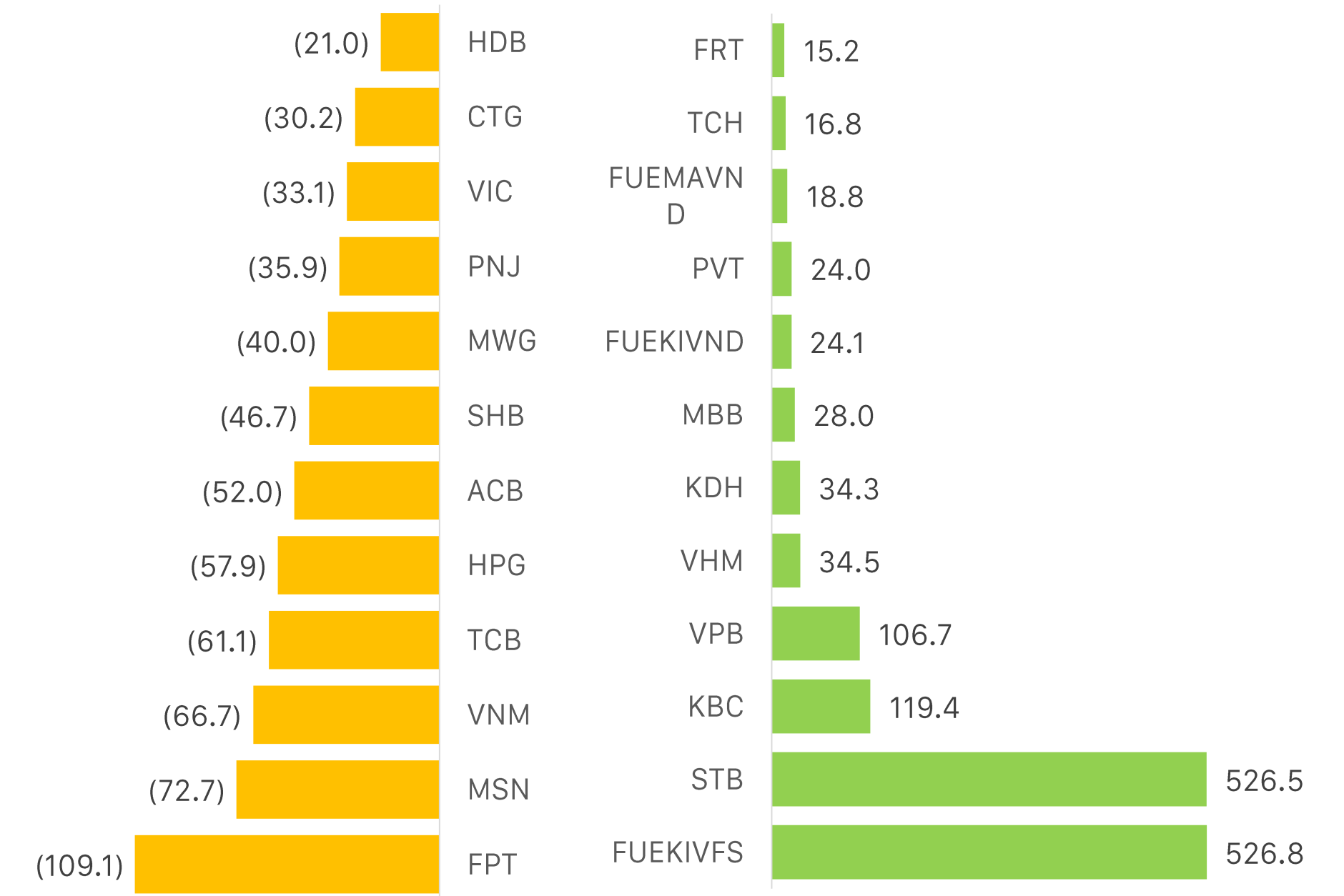
TỰ DOANH MUA BÁN BIẾN ĐỘNG MẠNH



Giá trị mua bán Tự Doanh theo tuần (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



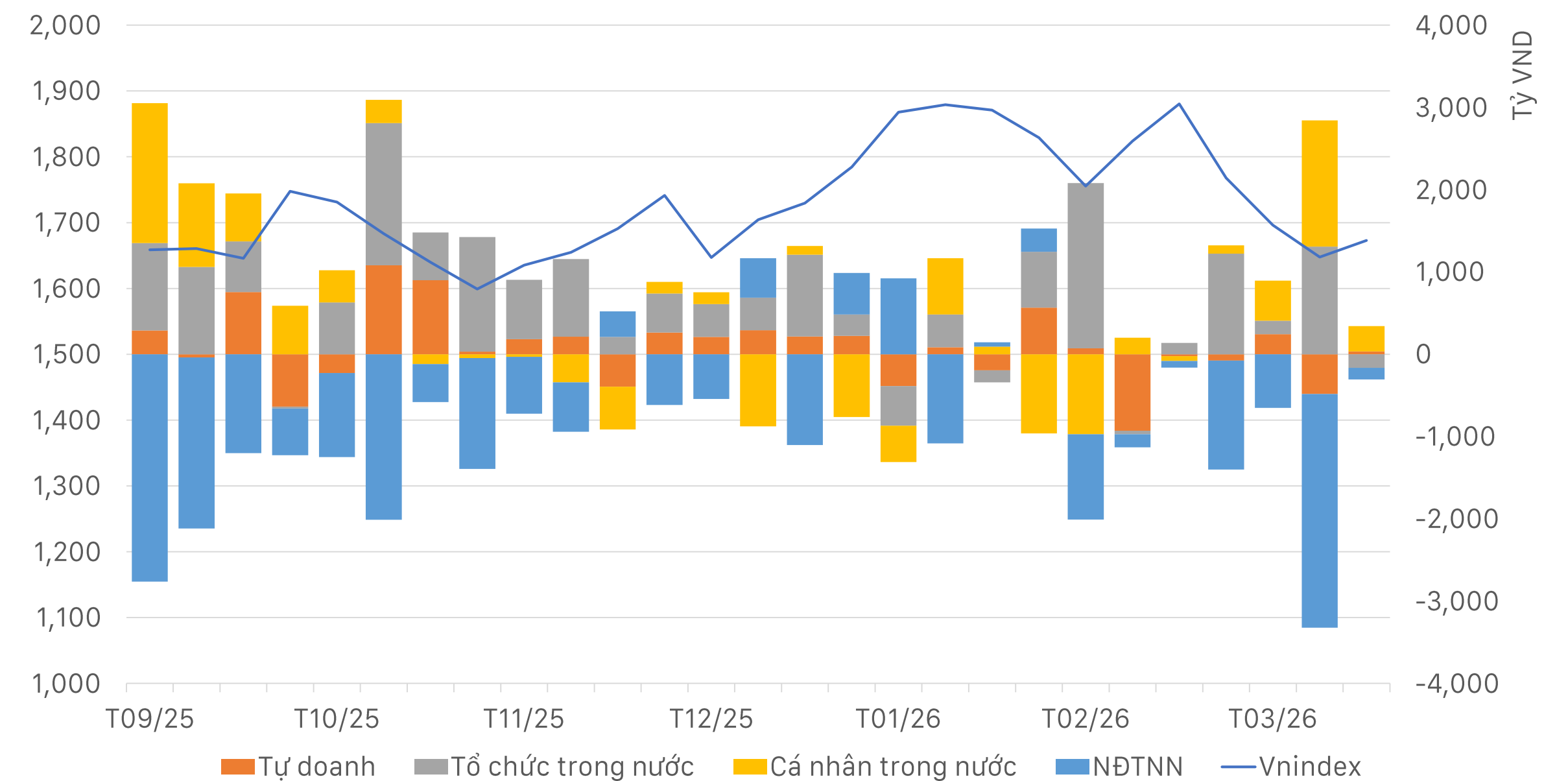
- Tự doanh mua vào gần 5200 tỷ đồng và bán ra 4400 tỷ đồng, giảm hơn 20% so với giao dịch tuần trước đó. Giá trị mua ròng trong tuần khoảng 755 tỷ đồng.
- Ở chiều bán ròng, dòng tiền tập trung mạnh vào nhóm bluechip và các cổ phiếu mang tính chu kỳ. Nổi bật là nhóm ngân hàng với các mã như TCB, ACB, CTG, SHB bị bán ra đáng kể, cho thấy khối tự doanh đang có xu hướng chốt lời sau giai đoạn tăng trước đó của nhóm này. Bên cạnh đó, các cổ phiếu tiêu dùng và bán lẻ như MWG, FRT, PNJ cũng nằm trong danh sách bị bán ròng, phản ánh áp lực hiện thực hóa lợi nhuận khi kỳ vọng tăng trưởng ngắn hạn đã phần nào được phản ánh vào giá.
- Ngược lại, ở chiều mua ròng, khối tự doanh lại cho thấy sự quay lại đáng chú ý với nhóm ngân hàng, nhưng mang tính chọn lọc hơn. Các mã như VPB, STB, MBB, HDB được mua vào mạnh. Điều này cho thấy quan điểm không rút khỏi hoàn toàn ngành ngân hàng, mà là tái cơ cấu sang các mã có câu chuyện riêng hoặc tiềm năng cải thiện lợi nhuận.

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

| Phân ngành | Tỷ trọng dòng tiền | Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh | Sức mạnh dòng tiền |
|-------------------------------|--------------------|--------------------------------|--------------------|
| Ngân hàng | 22.6% | STB, MBB, SHB, VPB, TCB | |
| Dịch vụ tài chính | 15.3% | SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND | |
| Bất động sản | 15.6% | DIG, PDR, NLG, NVL | |
| Hóa chất | 2.6% | DPM, DCM, GVR | |
| Tài nguyên Cơ bản | 6.7% | HPG, HSG, NKG | |
| Ô tô và phụ tùng | 4.5% | HHS, HUT | |
| Bán lẻ | 7.1% | MWG, DGW, PET | |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 3.9% | TCM, TNG, PNJ | |
| Viễn thông | 5.0% | VGI, FOX, VGI | |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 3.5% | POW, GEG, REE | |
| Dầu khí | 2.7% | PVD, PVS | |
| Thực phẩm và đồ uống | 4.5% | DBC, MSN, HAG, BAF | |
| Xây dựng và Vật liệu | 0.9% | CII, HHV, VCG | |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 3.0% | GEX, VSC, HAH, VTP, GMD | |
| Y tế | 1.7% | DCL, DBD | |
| Công nghệ Thông tin | 0.4% | FPT, CMG, CTR | |
| Truyền thông | 0.1% | YEG | |
| Bảo hiểm | 0.2% | BVH | |
| Du lịch và Giải trí | 0.1% | HVN | |

- Dòng tiền giao dịch trong tuần qua vẫn tập trung mạnh nhóm ngân hàng và chứng khoán chiếm tỷ trọng khoảng 40% so với phần còn lại của thị trường. Trong tuần qua nhà đầu tư giao dịch khá mạnh tập trung ở nhóm SSI, HCM, FTS, MBB
- Thanh khoản chung thị trường có sự suy giảm nhẹ so với tuần trước do phần lớn nhà đầu tư vẫn còn kẹt hàng giá cao giai đoạn trước. Ngoài ra dòng tiền chuyển dịch mạnh ra khỏi dầu khí, hóa chất và gia tăng ở nhóm viễn thông, BĐS.

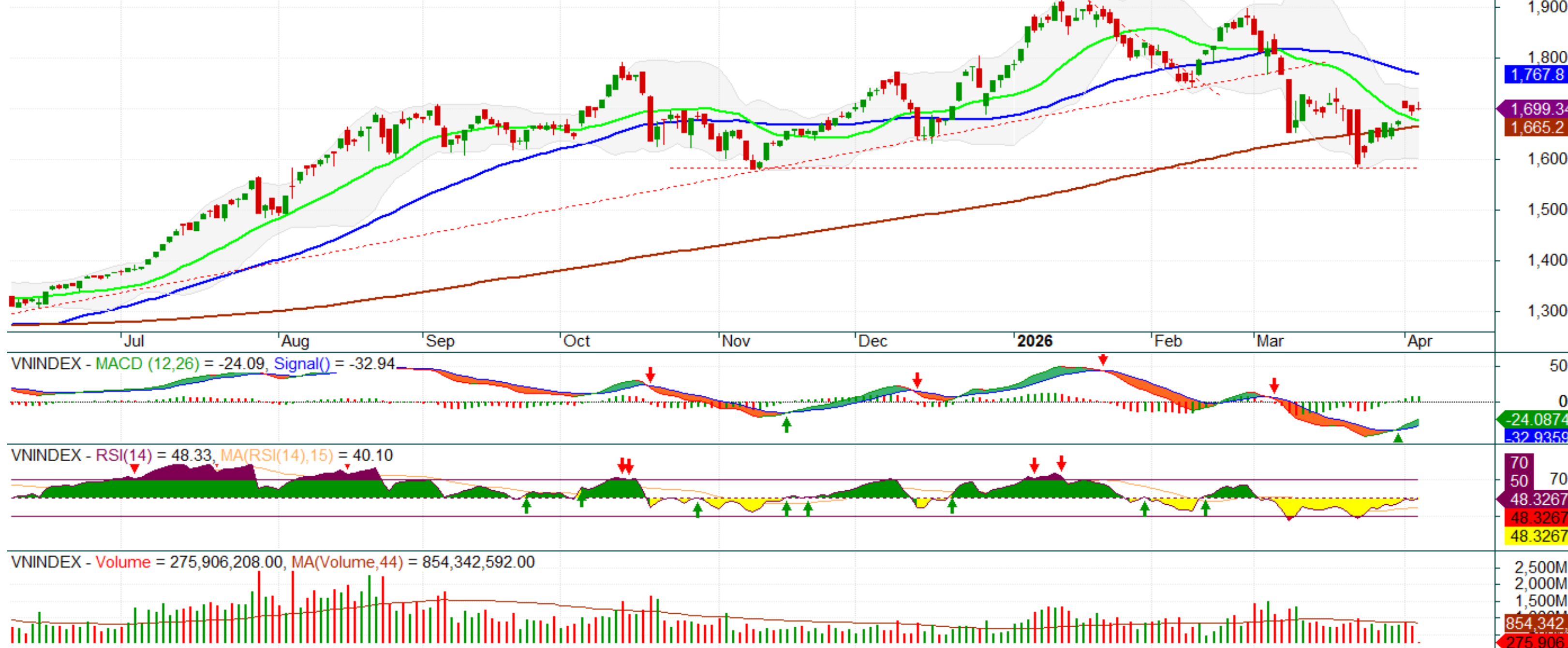
Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư



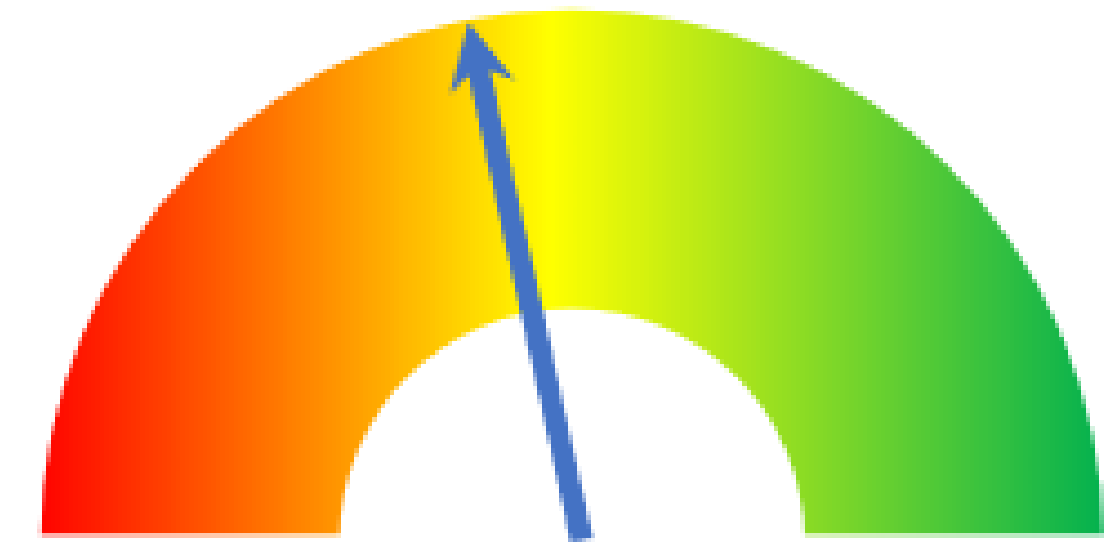
CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT



VNINDEX - Daily 4/3/2026 00:00:00 Open 1700.14, Hi 1713.95, Lo 1696.69, Close 1699.34 (0.3%) Vol 275,906,208 MA(Close,20) = 1,677.18, Mid MA(Close,50) = 1,767.80, Long MA(Close,200) = 1,665.20,



Mức độ hưng phấn thị trường



| | |
|-------|--------|
| RSI | 48.33 |
| MACD | -24.09 |
| MFI | 41.23 |
| MA20 | 1680 |
| MA50 | 1767 |
| MA200 | 1665 |

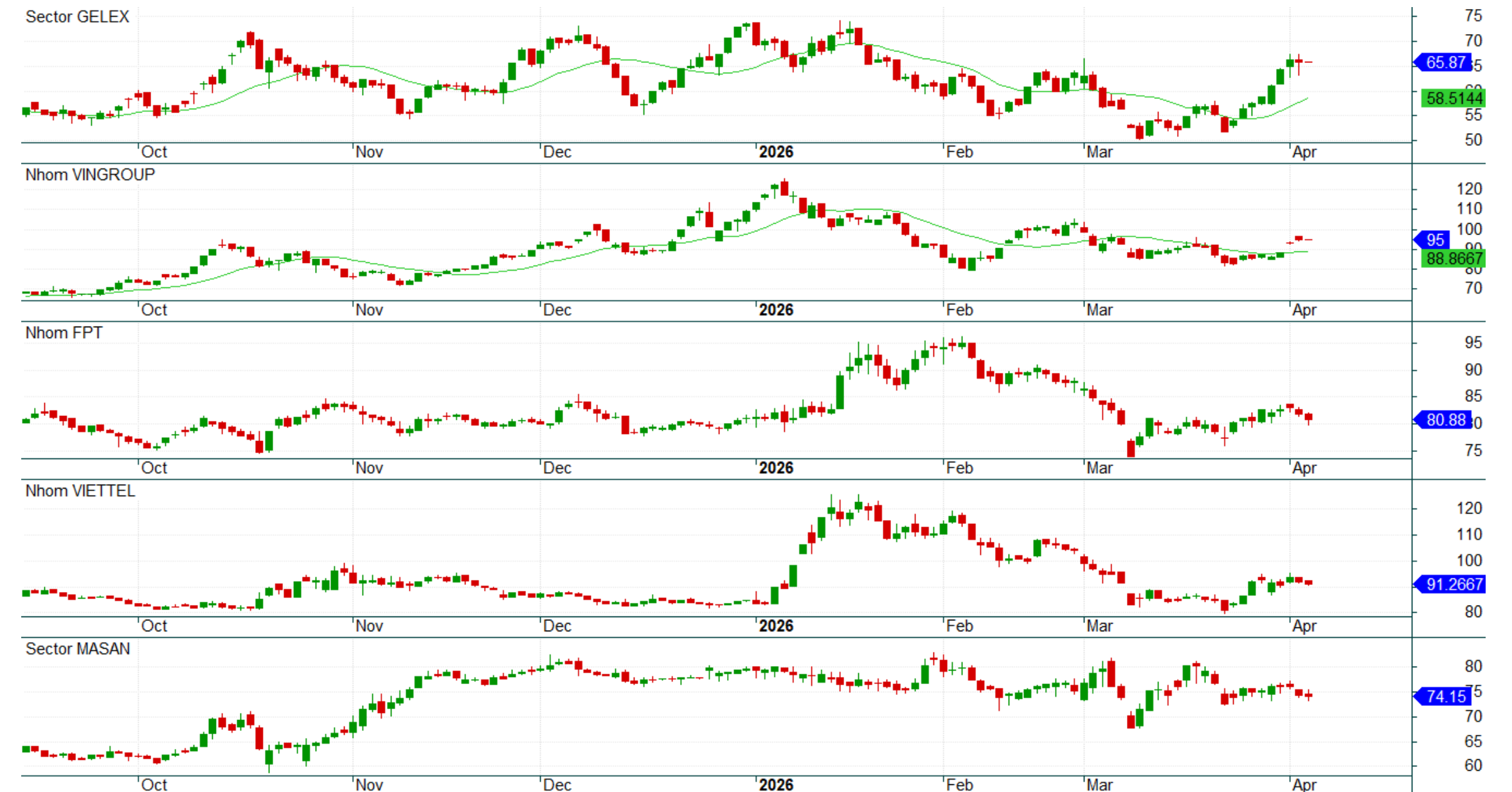
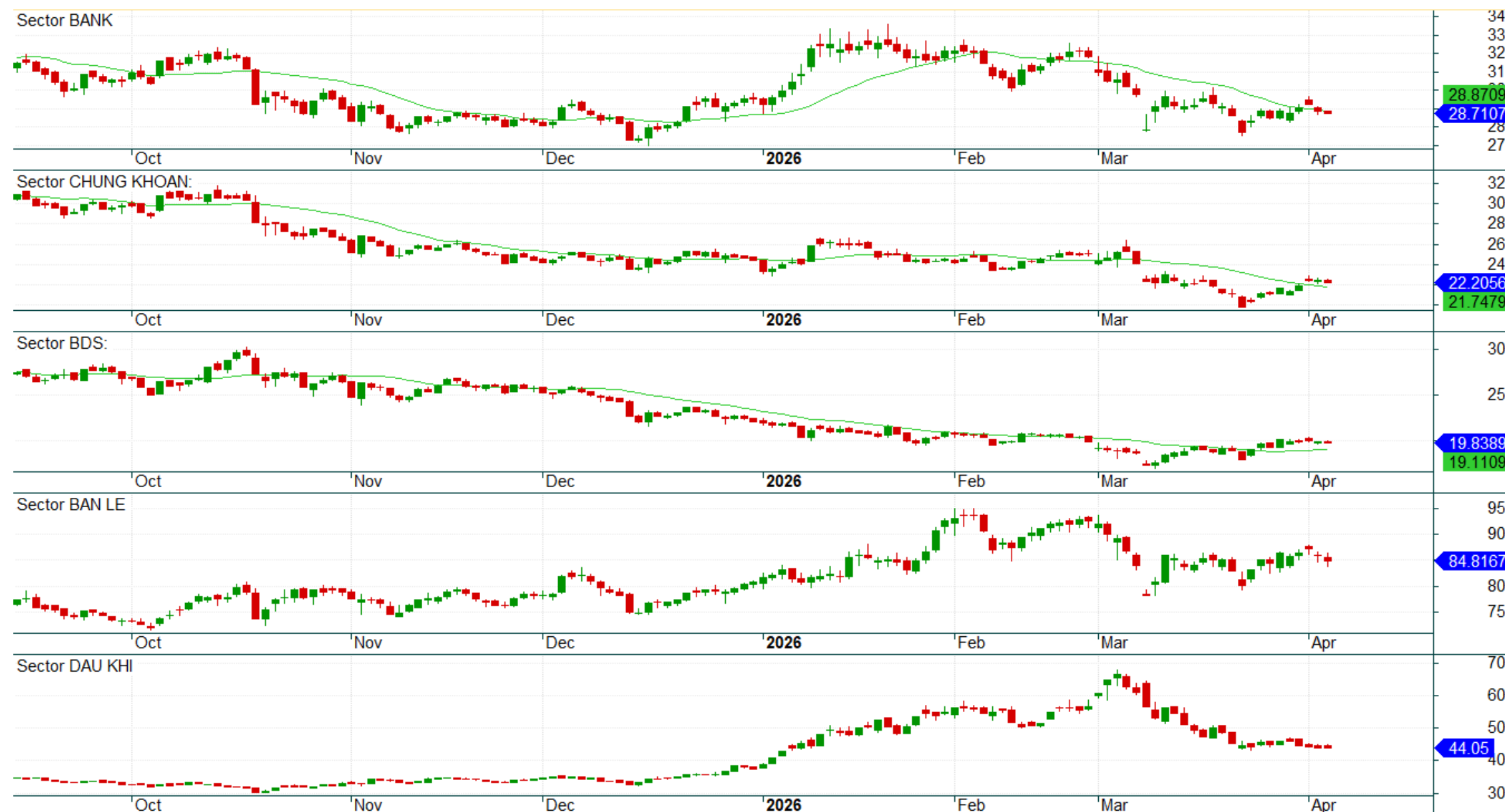
- Thị trường đang bước vào giai đoạn nhạy cảm khi đà phục hồi đang gặp thử thách trước các biến động khó lường của quốc tế. Thanh khoản duy trì ở mức trung bình cho thấy dòng tiền chưa rút ra, nhưng cũng chưa đủ mạnh để tạo bất phá rõ ràng. Tâm lý nhà đầu tư hiện tại mang tính thận trọng, chờ đợi thông tin quan trọng liên quan đến khả năng nâng hạng thị trường trong tuần tới – yếu tố có thể đóng vai trò chất xúc tác lớn cho xu hướng ngắn hạn.
- Trong kịch bản nâng hạng, nếu diễn ra tích cực, sẽ tạo hiệu ứng tâm lý mạnh, thúc đẩy dòng tiền quay lại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là các mã nằm trong rổ chỉ số và có tỷ lệ free-float cao. Nhóm ngân hàng (TCB, MBB, VPB, CTG), chứng khoán (SSI, TCX, MBS) và bất động sản (VHM, VIC, KDH) nhiều khả năng sẽ là tâm điểm thu hút dòng tiền do đây là các nhóm hưởng lợi trực tiếp từ dòng vốn ngoại và các quỹ ETF. Ngoài ra, các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt như MWG, FPT, HPG cũng có thể được hưởng lợi nhờ vai trò đại diện thị trường. Bên cạnh đó, nhóm khu công nghiệp (KBC) và đầu tư công tiếp tục là những điểm sáng trung hạn nhờ câu chuyện thu hút FDI và giải ngân vốn nhà nước.

XU HƯỚNG GIÁ CÁC NHÓM CỔ PHIẾU – NGÀNH DẪN ĐẦU



- **Nhóm ngân hàng** nhiều CP đang tích lũy nền giá sâu: Nhóm CP tốt ưu tiên, TCB, CTG, BID, VPB, MBB
- **Nhóm chứng khoán** Nhiều CP đã chạm hỗ trợ mạnh. Nhóm ưu tiên: HCM, TCX, VIX, SSI, MBS
- **Nhóm BĐS** đang trong quá trình hồi phục khá tuy nhiên xu hướng tăng có thể phân hóa. Nhóm ưu tiên: KDH, HDG, NLG, VHM, NVL
- **Nhóm bán lẻ** Đang dao động mạnh theo thị trường. MWG (80), DGW (45)
- **Nhóm dầu khí** đang trong giai đoạn tích lũy sau nhịp điều chỉnh, chờ tín hiệu hồi phục. Ưu tiên nhóm cổ phiếu BSR, GAS.

- **Nhóm Gelex** Nhóm đang hồi phục. GEE tăng tốt nhất. GEX hỗ trợ quanh 30, VIX – 16
- **Nhóm VINGROUP** Đã chậm đà giảm, đang tích lũy đi ngang. VIC hỗ trợ mạnh 140, VHM – 110. VRE - 25
- **Nhóm FPT** có tín hiệu hồi phục ở FPT, FRT, FOX tăng tốt
- **Nhóm Viettel** đang trong chiều hướng tích cực ở VTP, CTR, VGI
- **Nhóm MASAN** tăng trở lại đặc biệt ở MSR nhưng áp lực chốt lời cũng khá cao. MSN có hỗ trợ mạnh quanh 70



Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng danh mục ở mức cân bằng, nhưng có thể linh hoạt nâng tỷ trọng ở các nhịp điều chỉnh, ưu tiên các cổ phiếu đầu ngành, thanh khoản cao và có khả năng hưởng lợi từ câu chuyện nâng hạng như ngân hàng, chứng khoán và một số mã vốn hóa lớn.

Cổ phiếu quan tâm: BID, MBB, CTG, TCB, HAG, MWG, VIC, SSI, VIX, MBS, TCX, REE

Danh mục cổ phiếu quan tâm trung hạn:

Ngân hàng: MBB, BID

Bán lẻ, thực phẩm: MWG, HAG

| STT | CP | Giá mục tiêu | Lợi suất kỳ vọng (%) | EPS | PE | Điểm nhấn đầu tư |
|-----|-----|--------------|----------------------|-------|------|--|
| 1 | HAG | 20,000 | 30% | 1,700 | 9.4 | <ul style="list-style-type: none"> Năm 2025, HAGL ghi nhận doanh thu 7.440 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 2.243 tỷ đồng – mức cao nhất kể từ khi doanh nghiệp hoạt động. Kết quả này cũng giúp công ty xóa lỗ lũy kế và đưa tổng tài sản vượt mốc 1 tỷ USD. Vừa qua Hoàng Anh Gia Lai đã tổ chức hội thảo với chủ đề "HAGL và chiến lược phát triển bền vững 20.000ha cà phê đến năm 2028". Theo kế hoạch, doanh nghiệp đặt mục tiêu phát triển vùng trồng cà phê quy mô khoảng 20.000ha, từ đó xây dựng chuỗi giá trị khép kín bao gồm sản xuất nguyên liệu, chế biến sâu và tận dụng phụ phẩm. Tổng doanh thu tiềm năng ước đạt khoảng 713 triệu USD mỗi năm, tương đương gần 18.600 tỷ đồng. Nếu triển khai toàn diện, HAGL có thể trở thành một trong những doanh nghiệp sở hữu vùng trồng cà phê trực tiếp lớn nhất thế giới. |
| 2 | MWG | 110,000 | 25% | 4,800 | 18.5 | <ul style="list-style-type: none"> MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta. |
| 3 | MBB | 33,000 | 25% | 3,320 | 8.2 | <ul style="list-style-type: none"> Ngân hàng TMCP Quân đội (Mã: MBB) đạt lợi nhuận trước thuế đạt 34.268 tỷ đồng, tăng gần 19% so với cùng kỳ và hoàn thành 108% kế hoạch năm. Riêng quý IV, lợi nhuận tăng mạnh 37,5%, đạt 11.129 tỷ đồng. Thu nhập lãi thuần tiếp tục đóng vai trò trụ cột khi tăng 30,6%, đạt 14.555 tỷ đồng. Mảng dịch vụ cũng tăng trưởng ấn tượng, mang về 2.101 tỷ đồng lãi thuần, tăng 78% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, lãi thuần từ hoạt động khác tăng 31%, đạt 1.574 tỷ đồng, trong khi thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần ghi nhận mức tăng đột biến 502%, đóng góp 135 tỷ đồng. |

LỊCH SỰ KIỆN



| Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | Thứ 5 | Thứ 6 |
|--|---|--|--|--|
|  <p>Nhật Bản: Thu nhập tiền mặt lao động: Báo cáo tăng trưởng</p> <p>tiền lương thực tế của Nhật. Tin này cực kỳ quan trọng vì Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) đang theo dõi sát sao để quyết định lộ trình tăng lãi suất. Tiền lương tăng mạnh sẽ thúc đẩy đồng Yên (JPY) tăng giá.</p> |  <p>Việt Nam - Trưng bày "Vững nền tảng – Sáng tương lai": Khai mạc chuỗi sự kiện tại Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, thảo luận về các định hướng chính sách kinh tế mới. Tin này mang tính định hướng dài hạn cho các doanh nghiệp trong nước về khung pháp lý và chuyển đổi số.</p> |  <p>Hàn Quốc - Hội nghị cấp cao về Nhạc hội ASEAN-Korea: Các quan chức cấp cao gặp gỡ thúc đẩy hợp tác văn hóa - kinh tế. Sự kiện này gián tiếp hỗ trợ nhóm cổ phiếu giải trí, dịch vụ và du lịch giữa Hàn Quốc và các nước ASEAN.</p> |  <p>Trung Quốc - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) & Sản xuất (PPI): Số liệu lạm phát của Trung Quốc ảnh hưởng đến kỳ vọng về các gói kích thích kinh tế của Bắc Kinh. Nếu PPI tiếp tục giảm, thị trường lo ngại về dư thừa công suất, gây áp lực lên giá hàng hóa cơ bản toàn cầu.</p> |  <p>Nhật Bản - Chỉ số giá sản xuất (PPI): Đo lường lạm phát từ phía doanh nghiệp. Nếu PPI tăng cao, BoJ sẽ chịu áp lực thắt chặt chính sách tiền tệ nhanh hơn, có thể kết thúc kỳ nguyên lãi suất thấp, làm đảo lộn dòng vốn Carry Trade toàn cầu.</p> |
|  <p>Mỹ - Chỉ số PMI Dịch vụ ISM: Đây là dữ liệu quan trọng đánh giá sức khỏe ngành dịch vụ (chiếm 80% GDP Mỹ). Nếu chỉ số trên 50, đồng USD sẽ được củng cố sức mạnh. Ngược lại, số liệu thấp hơn kỳ vọng có thể khiến thị trường lo ngại về suy thoái, gây áp lực giảm giá lên chứng khoán Mỹ.</p> |  <p>Khu vực Asean: Hội nghị Bộ trưởng Tài chính & Thống đốc Ngân hàng Trung ương: Diễn ra tại Philippines với sự tham gia của các đại diện định chế tài chính quốc tế. Hội nghị tập trung vào tài chính khí hậu và khả năng phục hồi tài khóa, tác động trực tiếp đến dòng vốn FDI và chính sách tiền tệ khu vực Đông Nam Á, bao gồm Việt Nam.</p> |  <p>Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC: Fed công bố chi tiết nội dung cuộc họp chính sách gần nhất. Thị trường sẽ soi xét từng từ ngữ để tìm tín hiệu về việc cắt giảm hoặc giữ nguyên lãi suất trong tương lai. Điều này thường gây biến động mạnh (volatility) cho giá Vàng và chỉ số S&P 500.</p> |  <p>Việt Nam - Ngày giao dịch không hưởng quyền của nhiều doanh nghiệp: Hàng loạt công ty chốt quyền trả cổ tức tiền mặt (như NBE, các công ty chứng khoán lớn). Sự kiện này thường khiến chỉ số VN-Index có điều chỉnh kỹ thuật và thúc đẩy dòng tiền tái đầu tư từ cổ đông nhận cổ tức.</p> |  <p>Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI): Dữ liệu lạm phát tháng 3 của Mỹ. Đây là "ngòi nổ" cho thị trường tài chính tuần này. CPI cao hơn dự báo sẽ dập tắt hy vọng hạ lãi suất sớm, khiến trái phiếu Mỹ tăng lợi suất và chứng khoán bị bán tháo.</p> |

| STT | Mã CK | Sàn | Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC | Ngày thực hiện | Nội dung sự kiện | Loại Sự kiện |
|-----|-------|-------|------------|------------|----------------|--|---------------------------------|
| 1 | CDC | HOSE | 17/04/2026 | 20/04/2026 | | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP | Phát hành thêm |
| 2 | BWA | UPCoM | 16/04/2026 | 17/04/2026 | 15/05/2026 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 450 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 3 | BNW | UPCoM | 15/04/2026 | 16/04/2026 | 14/05/2026 | Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 600 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 4 | TDM | HOSE | 14/04/2026 | 15/04/2026 | 29/05/2026 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,300 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 5 | NBE | UPCoM | 9/4/2026 | 10/4/2026 | 16/09/2026 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,100 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 6 | VGR | UPCoM | 8/4/2026 | 9/4/2026 | 17/04/2026 | Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 3,500 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 7 | BSH | UPCoM | 8/4/2026 | 9/4/2026 | 24/04/2026 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,500 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 8 | HAM | UPCoM | 8/4/2026 | 9/4/2026 | | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1 | Thưởng cổ phiếu |
| 9 | TCX | HOSE | 7/4/2026 | 8/4/2026 | 8/5/2026 | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 10 | VTP | HOSE | 7/4/2026 | 8/4/2026 | | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:42, giá 10,000 đồng/CP | Phát hành thêm |
| 11 | SBT | HOSE | 6/4/2026 | 7/4/2026 | | Thực hiện quyền mua trái phiếu chuyển đổi, tỷ lệ 855113:10000, giá 100,000 đồng/CP | Phát hành trái phiếu chuyển đổi |
| 12 | SHB | HOSE | 3/4/2026 | 6/4/2026 | | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:10, giá 12,500 đồng/CP | Phát hành thêm |
| 13 | MBS | HNX | 2/4/2026 | 3/4/2026 | | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP | Phát hành thêm |
| 14 | LBM | HOSE | 31/03/2026 | 1/4/2026 | | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:1, giá 25,000 đồng/CP | Phát hành thêm |
| 15 | CCI | HOSE | 27/03/2026 | 30/03/2026 | | Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 3:1, giá 10,000 đồng/CP | Phát hành thêm |
| 16 | SD9 | HNX | 27/03/2026 | 30/03/2026 | 22/04/2026 | Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 550 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 17 | NDP | UPCoM | 27/03/2026 | 30/03/2026 | 20/05/2026 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 500 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 18 | TA6 | UPCoM | 27/03/2026 | 30/03/2026 | 2/4/2026 | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 267.1 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 19 | HRB | UPCoM | 26/03/2026 | 27/03/2026 | 17/04/2026 | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 3,000 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 20 | VCI | HOSE | 26/03/2026 | 27/03/2026 | 10/4/2026 | Trả cổ tức đợt 2/2025 bằng tiền, 250 đồng/CP | Trả cổ tức bằng tiền mặt |

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn



THANK YOU